VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THỊ MINH THÁI

HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THỊ MINH THÁI

HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 838.01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN VĂN ĐIỆP

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nêu trong luận văn chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác, số liệu, trích dẫn trong luận văn đảm bảo tính chính xác và trung thực.

Vậy tôi viết lời cam đoan này kính đề nghị Học viện Khoa học xã hội xem xét cho phép tôi được bảo vệ luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Phan Thị Minh Thái

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO LUẬT HÌNH SỰ 7
1.1. Những vấn đề lí luận về hình phạt cải tạo không giam giữ 7
1.2. Khái quát lịch sử hoàn thiện của pháp luật hình sự hiện hành về hình phạt cải tạo không giam giữ từ 1945 cho đến trước khi ban hành bộ luật hình sự 2015 22
1.3. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định trong bộ luật hình sự một số nước trên thế giới 25
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 30
2.1. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành 30
2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa bàn thành phố Đà Nẵng 35
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 51
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ 51
3.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của bộ luật hình sự năm 2015 về hình phạt cải tạo không giam giữ 54
3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ 59
KẾT LUẬN 71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
VKS	: Viện kiểm sát

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	*Tên bảng*	*Trang*
1.1.	Những điểm khác nhau của hình phạt cải tạo không giam giữ và chế định án treo quy định tại Bộ luật hình sự 2015	20
2.1.	Tổng hợp các quy định về cải tạo không giam giữ tại Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự	34
2.2.	Tỷ lệ số vụ án và bị cáo bị Tòa án nhân dân các cấp tại Đà Nẵng xử sơ thẩm từ 2013 đến năm 2017	37
2.3.	Tỷ lệ bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trên tổng số bị cáo bị xét xử sơ thẩm từ 2013 đến 2017	38
2.4.	Số bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo từng nhóm tội phạm từ năm 2013 đến năm 2017	38
2.5.	Số bị cáo được Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ	40

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự của Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy hệ thống hình phạt được quy định phong phú và đa dạng, có sự kế thừa bổ sung và hoàn thiện qua từng thời kỳ. Hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 2015 hiện hành là kết quả của nhiều lần sửa đổi, bổ sung trên cơ sở tổng kết thực tiễn áp dụng và thi hành các loại hình phạt của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay, hình phạt có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc quyết định và góp phần phát huy được vai trò tích cực là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp tác động của Nhà nước và xã hội đến tội phạm. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển toàn diện của đất nước trên tổng quan các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và qua thực tiễn áp dụng những quy định về hình phạt trong toàn hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng của Bộ luật hình sự năm 2015, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 nhưng vẫn còn tồn tại một vài điểm bất cập và hạn chế, quy định chưa được chặt chẽ hợp lý cũng như chưa làm rõ được sự tương quan giữa hình phạt cải tạo không giam giữ với chế định án treo.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, do chưa đánh giá hết một cách toàn diện của hình phạt cải tạo không giam giữ trong công tác cải tạo, giáo dục người phạm tội trong phòng ngừa tội phạm, nên nhiều Tòa án còn ít quan tâm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ dẫn đến khi áp dụng hình phạt này nhiều lúc còn xảy ra tình trạng áp dụng chưa đúng hoặc vận dụng nhầm lẫn với chế định án treo, v.v... Tất cả những vấn đề này là nguyên nhân làm cho việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không đạt được hiệu quả cao

trong thực tiễn hiện nay.

Hiện nay, nước ta đang thực hiện chương trình cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị "*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*".

Những phân tích trên đây phần nào làm sáng tỏ cho việc cần thiết để tôi lựa chọn đề tài "*Hình phạt cải tạo không giam giữ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Do hình phạt giữ vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong luật hình sự hiện nay, nên ở trong và ngoài nước đã có nhiều đề tài khoa học ở những mức độ, khía cạnh và phương diện khác nhau về hình phạt và hệ thống hình phạt, trong đó đơn cử là hình phạt cải tạo không giam giữ.

Vấn đề hình phạt đã được nhiều chuyên gia ở nước ngoài nghiên cứu. Còn ở Việt Nam, khoa học luật hình sự là một trong những ngành khoa học pháp lý phát triển nhất so với các ngành khoa học pháp lý khác, do đó xét riêng về hình phạt, cho thấy đã có nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu ở các cấp độ khác nhau.

Ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học có các đề tài luận văn như: Nguyễn Văn Vĩnh, Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Hà Nội, 1996; Vũ Lai Bằng, Hình phạt tiền trong luật hình sự Việt Nam, Hà Nội, 1997; Đặng Đức Thạo, Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Hà Nội, 2001; v.v… Hay ở Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội có đề tài của tác giả Lê Khánh Hưng, Các hình phạt không tước tự do trong luật hình sự Việt Nam, Hà Nội, 2010; Nguyễn Văn Cảnh, Hình phạt và các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo luật hình sự Việt Nam, Hà Nội, 2010; v.v... Còn ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học có các đề tài của các tác giả Nguyễn Sơn, Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam, Viện Nhà

Nước và Pháp luật, Hà Nội, 2003, Phạm Văn Beo, Hình phạt tử hình trong luật hình sự Việt Nam, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội 2007; Trịnh Quốc Toản, Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010; GS.TSKH. Lê Văn Cảm, Hình phạt và biện pháp tư pháp, trong sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong luật hình sự (phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), Trách nhiệm hình sự và hình phạt, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; v.v... Ngoài ra, một số tác giả cũng đã công bố những bài báo khoa học đề cập đến hình phạt như: GS.TSKH. Lê Văn Cảm, Hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 8/2000; Một số vấn đề cơ bản về hình phạt, Tạp chí Công an nhân dân, số 5/2001; Hình phạt và hệ thống hình phạt, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7/2007; GS. TSKH. Lê Cảm, TS. Trịnh Tiến Việt, Thực trạng các quy định pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 1/2009; PGS.TS. Trịnh Quốc Toản, Một số vấn đề về hình phạt quản chế trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 1/2004; Về hình phạt cấm cư trú trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/2004 và Về hình phạt tiền trong luật hình sự một số nước trên thế giới, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/2003;...v.v...

Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát trên đây cho thấy, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu cơ bản và trực diện về hình phạt chính và hình phạt bổ sung, tuy nhiên đối với riêng hình phạt cải tạo không giam giữ, nhìn một cách tổng thể chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức, với tư cách là một hình phạt chính quan trọng trong hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mà nước ta đang trong tiến trình

hội nhập sâu rộng trên nhiều lĩnh vực trong khu vực cũng như trên toàn thế giới. Vì vậy, tình hình nghiên cứu trên đây lại một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài "*Hình phạt cải tạo không giam giữ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng"* là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiêncứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về hình phạt cải tạo không giam giữ dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn, từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam, cũng như những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ và đặc điểm, vai trò của hình phạt này;

- Nghiên cứu những quy định của pháp luật từ 1945 cho đến thời điểm hiện hành về hình phạt này từ đó đúc kết những tồn tại, hạn chế cần khắc phục;

- Phân tích tình hình áp dụng thực tế hình phạt này tại các đơn vị tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Nêu lên giải pháp hoàn thiện quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự Việt Nam, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu: Các quy định của Bộ luật hình sự 2015 về cải tạo không giam giữ

4.2 Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu đánh giá tình hình áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp tại địa bàn thành phố Đà Nẵng và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định (Bộ luật hình sự Việt Nam) và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hình phạt này trong thực tiễn.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng và của Bộ Chính trị.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự như: Phương pháp phân tích, phương phápso sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp điều tra xã hội học... để từ đó tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng những vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm của các nhà khoa học về hình phạt nói chung, cũng như về hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng để từ đó xây dựng nên khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ, với mục tiêu bảo đảm tính chính xác, khoa học, đồng thời qua đó chỉ ra các đặc điểm cơ bản nhất của hình phạt cải tạo không giam giữ.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn còn nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến nay. Từ những cơ sở này, luận văn đề xuất ra các giải pháp nhằm củng cố, hoàn thiện pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hình phạt cải tạo không giam giữ.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lí luận về hình phạt cải tạo không giam giữ

Chương 2: Quy định của pháp luật hình sự hiện hành về hình phạt cải tạo không giam giữ và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự về hình phạt cải tạo không giữ ở thành phố Đà Nẵng

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO LUẬT HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lí luận về hình phạt cải tạo không giam giữ

1.1.1. Khái niệm, vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ

** Khái niệm hình phạt*

Trong lĩnh vực khoa học hình sự, tội phạm và hình phạt thuộc những đối tượng nghiên cứu chủ yếu và quan trọng nhất, trong đó việc làm sáng tỏ khái niệm hình phạt là một vấn đề vô cùng quan trọng. Để có cái nhìn tổng quan nhất về hình phạt cải tạo không giam giữ trong quy định của bộ luật hình sự từ những vấn đề lý luận và thực tiễn, trước hết chúng ta cần xem xét một cách tổng thể lý luận về hình phạt.

Trong những công trình nghiên cứu đã có nhiều quan niệm khác nhau về bản chất và nội dung của hình phạt. Nhìn chung các quan niệm đó có thể được chia thành hai loại như sau:

- Quan niệm thứ nhất coi hình phạt là công cụ trừng trị, trả thù người có hành vi phạm tội và lấy sự khắc nghiệt của hình phạt làm điều răn đe cho người phạm tội;

- Quan niệm thứ hai coi hình phạt là công cụ pháp lý cần thiết trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, cải tạo giáo dục cảm hóa người phạm tội.

Về vấn đề này, trong cuốn giáo trình sách chuyên khảo phát hành của Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011 do PGS. TS. Trịnh Quốc Toản chủ biên "Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam", đã tổng kết như sau:

Quan điểm coi hình phạt là sự *trừng trị* của Nhà nước dựa theo học thuyết trừng trị (Vergeltungstheorie) hay còn gọi là học thuyết hình phạt tuyệt đối (Ab

solut Straftheorie do Imanuel Kant (1724-1804) và sau đó là George Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831) chủ trương. Trong tác phẩm "*Lý luận siêu hình*", I. Kant cho rằng, sự bất bình đẳng do hành vi của người phạm tội gây ra phải được trả giá bằng hình phạt, thông qua đó thì trật tự pháp luật bị xâm phạm mới được khôi phục. Việc áp dụng hình phạt nhằm bảo đảm công lý, công bằng được thực thi. Người phạm tội là người làm điều sai trái đối với xã hội nên cần phải được đền đáp cho những sai trái đóbằng chính hình phạt, họ chính là kẻ thù của xã hội chứ không phải là thành viên của xã hội. Theo quan điểm như vậy có thể thấy rằng hình phạt ở đây chỉ có nhằm mục đích là trừng trị, trả thù, chứ tuyệt nhiên không có mục đích phòng ngừa tội phạm. *[40]*

Tuy nhiên, bên cạnh những học thuyết hình phạt tuyệt đối còn xuất hiện những học thuyết về phòng ngừa tội phạm hay còn gọi là các học thuyết hình phạt tương đối (Relative Straftheorien) do Cesare Beccaria (1738-1794) khởi xướng, sau đó là Jeremy Bentham (1748-1832), P.J.A. Feuerbach (1775-1833) và F.v. Liszt (1851-1919). Theo các học thuyết này, hình phạt không hướng vào việc trả thù người phạm tội mà chỉ nhằm phòng ngừa tội phạm trong tương lai. Do không có học thuyết nào là phù hợp vượt trội để biện minh cho sự tồn tại của hình phạt, nên có học giả đã hợp nhất hai học thuyết trên thành học thuyết liên hợp (Vereinigungstheorie), mà những người đại diện xuất sắc là A.Merkel ; R.V.Hippel; H.L.A.Hart. Theo học thuyết này, thì hình phạt không chỉ có mục đích trừng trị mà còn có mục đích phòng ngừa tội phạm.

Với nhận thức về cơ sở pháp lý và ý nghĩa của hình phạt như trên, nên trong khoa học luật hình sự nước ngoài xuất hiện nhiều khái niệm về hình phạt khác nhau như: Coi hình phạt chính là sự trừng trị được pháp luật quy định nhằm mục đích phòng ngừa và trấn áp những hành vi cấu thành tội phạm gây phương hại, mất an toàn đến trật tự xã hội...; coi hình phạt là sự trả giá của việc thực hiện những hành vi trái pháp luật nghiêm trọng bằng cách

trừng trị các điều ác được thực hiện thích ứng với mức độ của sự bất công và lỗi. Nó là sự khiển trách một cách công khai hành vi vi phạm pháp luật, qua đó khôi phục lại niềm tin công lý. Ngoài ra hình phạt cũng cần phải mở rộng sự tác động tích cực vào người phạm tội.

Hay trong khoa học luật hình sự rất phát triển là Liên Xô trước đây và Liên bang Nga, hiện nay, theo GS.TSKH. Lê Văn Cảm tổng kết, ngày nay có các quan điểm coi hình phạt hoặc là biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do Tòa án nhân danh Nhà nước áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm nhằm mục đích ngăn ngừa chung và ngăn ngừa riêng (Natasev A.E., Xtruchkôp H.A., Nôi I.X., Bêlaev N.A.). Hoặc là sự trừng trị, tức là gây cho người có tội những đau đớn và những sự tước đoạt do luật định mà người đó phải chịu (Đementrev X.I). Hoặc là một trong các biện pháp đấu tranh chống tội phạm mà nội dung của nó là kết hợp thuyết phục với cưỡng chế (Karpetx).

Còn trong việc nghiên cứu và phát triển khoa học luật hình sự Việt Nam, các nhà khoa học luôn đi theo những tư tưởng tiến bộ, nhân đạo và hướng thiện về hình phạt, nên đã đưa ra những quan niệm về hình phạt mà về cơ bản là thống nhất, mặc dù trong mỗi quan niệm đó có những sự khác nhau nhất định, như:

GS.TSKH Lê Văn Cảm quan niệm về hình phạt thì hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quyết định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành.

GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa định nghĩa về hình phạt thì đó là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất được quy định trong luật hình sự, do Tòa án áp dụng cho chính người đã thực hiện tội phạm, nhằm răn đe, trừng trị, và giáo dục cảm hóa họ, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ chế độ và trật tự xã hội cũng như bảo vệ các quyền và

lợi ích hợp pháp của của công dân.

PGS. TS Trịnh Quốc Toản trên cơ sở phân tích nhiều quan điểm khoa học và các đặc điểm cơ bản của hình phạt thì cho rằng hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, được pháp luật quy định, do Tòa án áp dụng đối với người bị kết án và được thể hiện ở việc tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người bị kết án nhằm giáo dục, cải tạo, cảm hóanhững người này và phòng ngừa tội phạm, đảm bảo cho luật hình sự thực hiện được nhiệm vụ then chốt của mình đó là bảo vệ và đấu tranh phòng, chống tội phạm v.v...

** Mục đích của hình phạt*

Từ trước đến nay khi nghiên cứu những vấn đề lý luận của hình phạt trong khoa học luật hình sự, các mục đích của hình phạt là vấn đề làm tốn giấy mực nhiều nhất giữa quan điểm các nhà khoa học nhìn thực tiễn trong và ngoài nước như: Hình phạt có mục đích trừng trị người phạm tội hay mục đích giáo dục người phạm tội hoặc cả hai mục đích đó; hình phạt ngoài hai mục đích đó còn mục đích khác không; trừng trị là thuộc tính hay mục đích của hình phạt; v.v... Tuy nhiên, về mặt lập pháp, Bộ luật hình sựViệt Nam năm 1985 và 1999 đã thể hiện rõ quan điểm chính thức của Nhà nước về mục đích cụ thể của hình phạt đó là : Hình phạt không chỉ có tính trừng trị người phạm tội mà bên cạnh đó nó còn mang tính giáo dục, cảm hóa những người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo thượng tôn pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn phòng ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục cho con người tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm (Điều 27 Bộ luật hình sự).*[31]*

Như vậy, khi đi sâu vào phân tích, tìm hiểu quy định tại Điều 31 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015, nhiều người cho rằng Bộ luật hình sự đã quy

định mục đích "trừng trị" người thực hiện hành vi phạm tội của hình phạt là điều không thể phủ nhận, theo quan điểm riêng của học viên, mục đích của hình phạt bao gồm hai mục đích chính như sau:

Một là, mục đích *phòng ngừa riêng của hình phạt* trước hết phải được thể hiện ở chỗ việc áp dụng hình phạt đối với tất cả những người có hành vi phạm tội không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục những người này trở thành người có ích cho xã hội, ngăn ngừa họ phạm tội mới sau khi trở về hòa nhập cộng đồng. Đó chính là sự tước bỏ, sự hạn chế những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật hình sự đối với người bị áp dụng hình phạt, thể hiện rõ nét sự lên án, trừng trị của Nhà nước, xã hội đối với tội phạm. Nhưng suy cho cùng thì đó không phải là sự lên án, sự trừng phạt đơn thuần mà là đó chính là những biện pháp đặc biệt dùng để răn đe thông qua nhiều hình thức như cưỡng chế để giáo dục cải tạo người bị kết án, ngăn ngừa họ phạm tội lại sau khi trở về địa phương tái hòa nhập với cộng đồng. Hình phạt cũng còn là biện pháp áp dụng đặc biệt nhằm hạn chế những điều kiện phạm tội lại của người bị Tòa án kết tội. Mức độ của việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tộinhư tước bỏ và hạn chế những quyền và lợi ích hợp pháp của họ tất cả đều phải phụ thuộc vào tính chất mức độ nguy hiểm từ hành vi của họ gây ra cho xã hội, vào nhân thân, lý lịch của người phạm tội cũng như việc áp dụng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà người phạm tội gây ra. Mục đích quan trọng chủ yếu trong phòng ngừa riêng của hình phạt chính là cải tạo, giáo dục, cảm hóa người phạm tội để sau này khi tái hòa nhập cộng đồng họ sẽ trở thành người có ích cho xã hội. Trong mục đích phòng ngừa riêng, trừng trị và cải tạo, giáo dục, cảm hóa người phạm tội và ngăn ngừa họ phạm tội mới chính là hai mục đích song song tồn tại và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và chỉ có thể đạt được mục đích cuối cùng và chủ yếu nhất đó chính là cải tạo,

giáo dục người phạm tội nếu hình phạt áp dụng đối với họ tương xứng với hành vi phạm tội của họ đã gây ra. Việc Nhà nước trừng phạt những người có hành vi phạm tội một cách công minh chính là nội dung chủ yếu và quan trọng nhằm tạo cơ sở cho việc cải tạo, giáo dục người phạm tội; ngược lại, cải tạo, giáo dục người phạm tội chính là phát huy tính tích cực của nội dung trừng trị.

Hai là, mục đích *phòng ngừa chung*. Mục đích phòng ngừa chung thể hiện ở việc ngăn chặn, phòng ngừa người khác thực hiện hành vi phạm tội. Việc áp dụng quy định của hình phạt trong Bộ luật hình sự và đặc biệt khi áp dụng những quy định của hình phạt đối với người phạm tội, trong những trường hợp cụ thể không chỉ góp phần tác động trực tiếp đến chính chủ thể là bản thân người có hành vi phạm tội mà xa hơn nó còn tác động đến tâm lý của các thành viên khác trong xã hội, đặc biệt là đối với những cá nhân không vững vàng thì hình phạt có tác dụng răn đe, ngăn ngừa họ phạm tội. Trong tùy từng trường hợp, hình phạt làm cho những người không vững vàng thấy được hậu quả trách nhiệm pháp lý hình sự mà họ tất yếu phải nhận được nếu như họ thực hiện những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, với sự răn đe này, hình phạt có mục đích phòng ngừa chung, giáo dục những người không vững vàng tư tưởng, dễ bị sa ngã không tuân theo pháp luật, "từ bỏ ý định phạm tội hoặc thận trọng hơn trong xử sự để tránh xử sự của mình thành hành vi phạm tội.

Đối với các thành viên khác trong xã hội, hình phạt có mục đích tuyên truyền, giáo dục, răn đè, phòng ngừa và nâng cao ý thức pháp luật cho họ, qua đó động viên khuyến khích đông đảo quần chúng nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc đấu tranh ngăn ngừa và phòng chống tội phạm. Để đạt được những mục đích phòng ngừa chung của hình phạt, trước hết cần phải thực hiện một cách đồng bộ nhiều giải pháp trong đó các biện pháp tuyên truyền,

giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân là những biện pháp hết sức quan trọng và có ý nghĩa to lớn. Mục đích phòng ngừa chung của hình phạt chỉ đạt được kết quả tốt nhất khi quần chúng nhân dân hiểu biết pháp luật và thấy được sự cần thiết của việc tuân thủ pháp luật cũng như ý nghĩa xã hội của hình phạt.

** Hệ thống hình phạt*

Tội phạm có nhiều loại khác nhau, mỗi loại tội phạm khi xảy ra trong thực tế lại có hành vi, tính chất và mức độ nguy hiểm nhất định cho xã hội, xuất phát từ những yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm, thì cần phải có hệ thống hình phạt thể hiện rõ chính sách hình sự của Nhà nước.

Số lượng hình phạt trong hệ thống hình phạt của các quốc gia có thể không giống nhau, thậm chí của mỗi quốc gia ở những thời kỳ khác nhau cũng khác nhau. Nội dung và điều kiện áp dụng của mỗi hình thức hình phạt do sự chuyển biến của hoàn cảnh và điều kiện xã hội, do yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng có thể thay đổi. Hình phạt cũ được bỏ đi nếu như hình phạt đó không đáp ứng được nhu cầu so với thực tại thì hình phạt mới sẽ được thêm vào hoặc có sự thay đổi về nội dung, bản chất và điều kiện áp dụng từng loại hình phạt đều cho ra hệ quả tất yếu là tạo ra hệ thống hình phạt mới. Hệ thống hình phạt luôn thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước, do đó nó phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh xã hội hiện tại, yêu cầu hiện tại của công tác phòng, chống tội phạm cũng như kinh nghiệm lập pháp hình sự trong nước và quốc tế. Nhưng nhìn chung, hệ thống hình phạt chính là sự tổng hợp tất cả các biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong pháp luật hình sự, căn cứ vào mức độ nghiêm khắc của mỗi loại được sắp xếp thành một danh mục cụ thể theo trình trình tự nhất định từ nhẹ đến nặng (hay ngược lại) và chỉ do Tòa án quyết định trong bản án kết tội đối với bị cáo vì đã thực hiện tội phạm.

Như vậy, việc quy định hình phạt và hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự góp phần thực hiện các nhiệm vụ của luật hình sự Việt Nam, mà mục tiêu then chốt đó là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệquyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc trong quốc gia, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục, cảm hóa mọi người luôn luôn phải ý thức tuân theo thượng tôn pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm (Điều 1 Bộ luật hình sự).

** Khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ dưới góc độ khoa học luật hình sự Việt Nam*

Theo luật hình sự Việt Nam, hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định trong Bộ luật hình sự thể hiện quan điểm nhân đạo và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời chứng tỏ khả năng tự giáo dục cải tạo trở thành người có ích cho xã hội của họ. Đó là một trong những biện pháp nhằm cải thiện hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống, giáo dục, cảm hóa, cải tạo người phạm tội để giúp họ sớm cải tạo về hòa nhập cộng đồng .Nên có thể thấy được rằng, hình phạt cải tạo không giam giữ cần phải được quan tâm một cách sâu sắc trên mọi phương diện như phương diện lập pháp, áp dụng pháp luật và nghiên cứu lý luận. Tuy vậy, cho đến nay hình phạt cải tạo không giam giữ nhìn chung vẫn chưa được quan tâm đúng mức trên cả ba phương diện này.*[31]*

Mặc dù,theo quy định của bộ luật hình sự thì hình phạt cải tạo không giam giữ là một hình phạt chính nhưng nó vẫn thể hiện được tính nhân đạo cao vì đối với hình phạt này thì chủ thể chịu áp dụng không bị tước đi quyền tự do vốn có vấn đề này đã được quy định rõ tại Điều 36 BLHS 2015.

Như vậy, có thể nhận ra những đặc điểm cơ bản của hình phạt cải tạo

không giam giữ như sau:

Trước hết, về các đặc điểm chung thì hình phạt nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng là:

1) Đây là biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất so với tất cả các biện pháp cưỡng chế về hình sự khác của Nhà nước mà việc áp dụng nó đối với người bị kết án sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý là người đó bị coi là có án tích;

2) Hình phạt nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng chỉ xuất hiện khi có sự việc phạm tội;

3) Do một cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét xử vụ án hình sự là Tòa án áp dụng và chỉ đối với người bị kết án trong bản án có hiệu lực pháp luật;

4) Chúng chỉ được quy định trong Bộ luật hình sự đang hiện hành

5) Được Tòa án áp dụng theo một trình tự đặc biệt do pháp luật tố tụng hình sự quy định để áp dụng đối với riêng bản thân người bị kết án.

Như vậy, theo quy định này thì điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đó là:

Thứ nhất, chỉ áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng.

Thứ hai, người phạm tội phải có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng.

Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc xã phường nơi người đó cư trú để giáo dục, giám sát. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp để quản lý giáo dục, giám sát người đó.

Bên cạnh các đặc điểm của hình phạt nói chung đã được phân tích ở trên, xuất phát từ khái niệm đã nêu và trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành có liên quan đến hình phạt cải tạo không giam giữ, có thể chỉ ra các đặc điểm cơ bản của hình phạt này như sau:

Một là, hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong những hình phạt phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và của luật hình sự Việt Nam nói riêng. Theo đó, bên cạnh hàng loạt các chế định khác như: Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hai là, hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính nặng nhất trong số các hình phạt không phải là tù, nó chỉ đứng sau hình phạt tù có thời hạn, các trường hợp phạm tội bị áp dụng hình phạt này khi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội họ gây ra không lớn hoặc chưa đến mức phải chịu hình phạt tù và nếu cảnh cáo và phạt tiền thì quá nhẹ đối với hành vi phạm tội mà cá nhân đó gây ra.

Ba là, *việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không buộc người bị kết án phải bị cách ly ra khỏi đời sống của xã hội. Người bị kết án được thi hànhán trong môi trường bình thường trước sự giám sát, giáo dục của các cơ quan tổ chức hoặc chính quyền địa phương*. Việc quy định và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện tính nhân đạo, nhân văn của pháp luật Nhà nước tađối với những người bị kết án, mặc dù họ đã thực hiện hành vi gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội, thế nhưng với hình phạt cải tạo không giam giữ người phạm tội phải chịu sự giám sát chặt chẽ, và nghiêm ngặt của cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, sinh sống, thường trú. Người phạm tội phải tự ý thức được việc cải tạo mình, tự sửa chữa bản thân mình, phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân, quy định của địa bàn dân cư nơi mình cư trú.

Khác với các hình phạt tù, việc thi hành án cải tạo không giam giữ không phải được giao cho một cơ quan chuyên trách thực hiện mà thẩm quyền giám sát giáo dục đối với người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thuộc

về cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội nơi người bị kết án cư trú hoặc lao động sản xuất. Sự quan tâm phối hợp giữa các cơ quan tổ chức có thẩm quyền và gia đình người bị kết án cải tạo không giam giữ chính là điều cần thiết nhất để tạo ra hiệu quả của hình phạt này. Những cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được Tòa án giao trách nhiệm giám sát giáo dục theo quy định tại Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định "*Về việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ*" bao gồm:

- Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý người bị kết án, nếu người đó là cán bộ, công chức, người đang học tập tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nếu người bị kết án là người làm công ăn lương

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án cư trú, nếu người đó không thuộc đối tượng của ba cơ quan tổ chức nêu trên.

Ngoài ra người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung vào công quỹ Nhà nước. Trong trường hợp người bị kết án được Tòa án miễn khấu trừ thu nhập thì Tòa án phải ghi rõ lý do trong bản án.

1.1.2. Vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam

Hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính trong hệ thống hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam. Việc áp dụng những quy định của hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống hình phạt góp phần làm đa dạng hóa các biện pháp xử lý về hình sự, đáp ứng được yêu cầu cao của chính sách hình sự trong quá trình xử lý tội phạm.

Xét một cách tổng thể, vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong việc thực hiện chính sách hình sự được thể hiện trên *ba* phương diện chủ yếu - xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật và bảo đảm yêu cầu xử lý về hình sự.*[31]*

Thứ nhất, về xây dựng pháp luật. Xây dựng pháp luật để thực hiện chính

sách hình sự trước hết và quan trọng nhất là việc tiến hành tội phạm hóa và hình sự hóa. Việc quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là các tội phạm là điều kiện để áp dụng hình phạt - là biện pháp (hình thức) tác động nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với tội phạm. Bên cạnh đó, việc hình sự hóa có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện chính sách hình sự, bởi vì tội phạm xảy ra trên thực tế rất đa dạng và phong phú, thể hiện tính chất, sự nguy hiểm khác nhau cho xã hội, chính vì vậy, các nhà làm luật phải quy định một hệ thống hình phạt đa dạng và phong phú, gồm nhiều loại hình phạt khác nhau, trong đó mỗi loại hình phạt có quy định đầy đủ nội dung, điều kiện phạm vi áp dụng, công dụng xã hội khác nhau, chế độ chấp hành khác nhau cũng như quy định loại hình phạt trong hệ thống hình phạt là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm tính thống nhất trong thực tiễn xét xử của Tòa án các cấp. với nhiều loại hình phạt khác nhau được quy định với nhiều cấp độ về khả năng tác động khác nhau thì việc xử lý hình sự sẽ càng chính xác, các tình tiết khách quan và chủ quan của hành vi phạm tội, các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội sẽ được áp dụng toàn diện khi áp dụng hình phạt và do đó, mục đích của hình phạt đạt được càng cao, có nghĩa là khả năng phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt được bảo đảm tốt hơn.

Đặc biệt, với sự diện hiện của hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự bên cạnh các hình phạt chính như: cảnh cáo; phạt tiền; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình làm cho hệ thống hình phạt cân đối, tương xứng, hoàn thiện hơn, góp phần thực hiện nguyên tắc xử lý hình sự có phân biệt và nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, giúp cho việc thực hiện chính sách hình sự năng động, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời việc đa dạng hóa hệ thống hình phạt phù hợp với quan điểm tiến bộ trong chính sách hình sự, thể hiện nguyên tắc của luật hình sự và phù hợp với xu thế chung của luật hình sự nhiều nước trên thế giới.

Thứ hai, về áp dụng pháp luật. Hình phạt cải tạo không giam giữ không bắt buộc phải cách ly người bị kết án ra khỏi xã hội mà Tòa án giao người bị kết án cho các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi thường trú của người bị kết án giám sát, giáo dục họ. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người bị kết án thì mục đích cuối cùng của Nhà nước là hướng tới việc giáo dục cải tạo cảm hóa họ và phòng ngừa tội phạm.

Việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức xã hội và nhân dân tham gia vào quá trình giáo dục cải tạo người bị kết án nói riêng và công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ có vai trò rất quan trọng của chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức và công dân. Từ những phân tích ở trên có thể thấy được hình phạt cải tạo không giam giữ có mục đích nâng cao vai trò tích cực của các đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội và công dân trong công tác phòng chống tội phạm. Mặt khác, trong quá trình thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ nó góp phần giúp người bị kết án sớm tái hòa nhập xã hội một cách nhanh chóng, đồng thời tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân theo thượng tôn pháp luật trong quần chúng nhân dân...

Hình phạt cải tạo không giam giữ là một hình phạt chính thể hiện sâu sắc nguyên tắc nhân đạo và chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với những người phạm tội về hành vi do cá nhân họ thực hiện. Nghiên cứu sâu về những quy định của hình phạt này cho thấy giữa nó và chế định án treo có nhiều điểm giống và khác nhau.

Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về chế định án treo như sau: "*Khi xử phạt tù không quá ba năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ một năm đến năm năm*". Trên cơ sở nghiên cứu hình phạt cải tạo không giam giữ và chế định án treo cho thấy giữa hai hình phạt này có một số điểm giống và khác nhau như sau:

** Những điểm giốngnhau*

Cả hai đều phản ánh nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam. Nhà nước không bắt buộc phải cách ly người bị kết án ra khỏi đời sống xã hội tạo điều kiện cho họ sớm trở lại cuộc sống cộng đồng, động viên họ phấn đấu làm người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội; chúng chỉ được áp dụng khi có đủ những điều kiện cụ thể do luật định; đối tượng áp dụng chính là người bị kết án (người bị coi là có tội theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án) và hậu quả pháp lý đều phải mang án tích.

** Những điểm khácnhau:*

Bảng 1.1. Những điểm khác nhau của hình phạt cải tạo không giam giữ và chế định án treo quy định tại Bộ luật hình sự 2015

Tiêu chí	*Cải tạo không giam giữ*	*Án treo*
Nội dung	Là hình phạt chính, người bị kết án bị Tòa án quyết định hình phạt - hình phạt cải tạo không giam giữ.	Là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện-người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt tù
Bản chất	Là một hình phạt chính (điểm c khoản 1 Điều 32 Bộ luật hình sự).	Là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện.
Quy định trong BLHS	Quy định ở phần chung và quy định cụ thể tại Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.	Chỉ được quy định tại Điều 65.
Nghĩa vụ, hình phạt bổ sung	Người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước.	Người được hưởng án treo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (theo khoản 3 Điều 65 Bộ luật hình sự).

(Nguồn: Tổng hợp từ Bộ luật hình sự năm 2015)

Như vậy, mặc dù về bản chất pháp lý khác nhau (án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện còn cải tạo không giam giữ là hình phạt chính), nhưng về nội dung, cả cải tạo không giam giữ và án treo đều giáo dục cải tạo người bị kết án nhưng không cách ly họ khỏi đời sống xã hội, cơ quan có thẩm quyền giám sát người bị kết án là cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú.

Thứ ba, về bảo đảm yêu cầu xử lý về hình sự. Để áp dụng chính xác và đúng đắn các quy định của pháp luật hình sự, Bộ luật hình sự 2015 đã ghi nhận các nguyên tắc xử lý trong luật hình sự có ý nghĩa chủ đạo, là căn cứ chung xuyên suốt toàn bộ chính sách hình sự của Nhà nước ta được thể hiện trong Bộ luật hình sự, cũng như trong việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội.

Các nguyên tắc xử lý về hình sự trong luật hình sự Việt Nam đã phản ánh những tư tưởng pháp chế, công bằng, dân chủ và nhân đạo trong chính sách hình sự. Đặc biệt, các nguyên tắc xử lý còn thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta - "nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục", đồng thời phản ánh việc xử lý đúng đắn và đầy đủ các mối tương quan giữa các chủ thể phạm tội với nhau như mức độ, hành vi, lứa tuổi…v.v.

Như vậy, cùng với các hình phạt và những biện pháp cưỡng chế về hình sự khác, sự hiện diện của hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự góp phần thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất các nguyên tắc xử lý về hình sự - thông qua yêu cầu xử lý tội phạm, đồng thời giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự, hình phạt của người phạm tội có căn cứ, công minh và đúng pháp luật, cũng như bảo đảm tính hướng thiện trong quá trình hòa nhập với xã hội, bảo đảm sự lựa chọn giữa hình phạt này với các hình phạt nhẹ hơn hoặc nặng hơn, giữa việc tước tự do hay không tước tự do.

Bên cạnh đó, hình phạt cải tạo không giam giữ còn thể hiện sự đa dạng hóa của tất cả các loại hình phạt trong luật hình sự và được coi là điều kiện đảm bảo tính thống nhất trong thực tiễn xét xử của các Tòa án, đảm bảo cho việc xét xử bình đẳng, công bằng, qua đó trong chừng mực nhất định góp phần làm tăng tính hiệu quả của hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam.

1.2. Khái quát lịch sử hoàn thiện của pháp luật hình sự hiện hành về hình phạt cải tạo không giam giữ từ 1945 cho đến trước khi ban hành bộ luật hình sự 2015

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất

- Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền nhân dân non trẻ mới được thành lập phải đối mặt với những khó khăn, thử thách chồng chất. Trước tình hình đó, nhân dân ta phải đối mặt với những vấn nạn lớn của xã hội là nạn đói, nạn dốt và nạn giặc ngoại xâm. Đây cũng chính là ba nhiệm vụ lớn được đặt lên hàng đầu đòi hỏi chính quyền phải giải quyết cấp bách. Vì vậy, sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước đã ban hành hàng loạt các loại văn bản pháp luật hình sự để tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ an ninh quốc gia, trấn áp tội phạm, và bảo vệ các lợi ích của Nhà nước và của nhân dân.

Qua nghiên cứu, tham khảo các văn bản pháp luật từ năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất, tôi thấy rằng văn bản pháp luật đã ban hành trong thời kỳ này đều là những văn bản pháp luật đơn hành. Nội dung hình phạt được áp dụng trong giai đoạn này gồm:

- Hình phạt chính: tử hình, tù chung thân, tù có thời hạn (từ 6 tháng đến 20 năm), cảnh cáo; các hình phạt vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt phụ:

quản chế (từ 1 năm đến 5 năm), phạt tiền;

- Các hình phạt phụ: Tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, cư trú bắt buộc và cấm cư trú (từ 1 năm đến 5 năm), cấm thực hành một số nghề nghiệp nhất định hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến tài sản xã hội chủ nghĩa.

Hình phạt cải tạo không giam giữ được đề cập lần đầu tiên trong Luật Nghĩa vụ quân sự được Quốc hội thông qua ngày 30/12/1981.

Có thể thấy rằng, những đặc điểm cơ bản của hình phạt cải tạo không giam giữ được đề cập xuất hiện từ khá sớm, nó xuất hiện trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời là:

- Thời hạn hình phạt cải tạo không giam giữ là từ ba tháng đến hai năm. Như vậy, trong giai đoạn 1985 trở về trước hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ được quy định gói gọn trong hai văn bản pháp luật với phạm vi áp dụng rất hẹp, bởi vì thời kỳ đó đất nước ta đang còn chìm chiến tranh nên luật hình sự cũng không nằm ngoài mục đích tối thượng là phục vụ cho mục đích chính trị của Đảng và Nhà nước ta đó là độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Sự tồn tại của các sắc lệnh được ban hành phổ biến trong thời gian này chủ yếu là trừng trị răn đe, ở thời kỳ này hình phạt tù là chủ yếu, và cũng đã xuất hiện hình phạt không phải là hình phạt tù như phạt tiền, cảnh cáo. Đặc biệt, với sự xuất hiện của hình phạt cải tạo không giam giữ đã mở ra một cách nhìn nhận mới của các nhà làm luật nước ta về hình phạt và mục đích của hình phạt, cũng như hoàn thiện pháp luật hình sự trong thời kỳ mới thời kỳ đất nước thống nhất, và tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến nay

Bộ luật hình sự năm 1985 của nước ta đã được kỳ họp thứ IX Quốc hội khóa VII thông qua ngày 27/6/1985, có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Bộ luật này thể hiện tập trung chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước, quy định

thống nhất, có hệ thống và tổng thể trong cùng một văn bản những vấn đề về tội phạm và hình phạt được ghi nhận tại Điều 21

Liên quan đến hình phạt cải tạo không giam giữ, trong Bộ luật hình sự năm 1999 có những nội dung mới quan trọng, đó là:

Thứ nhất, hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự năm 1999 được quy định tại điều 31 (trước đây là điều 24) và vẫn giữ nguyên quy định là hình phạt chính, cùng với các hình phạt khác như: Cảnh cáo; phạt tiền; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình (bỏ hình phạt cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội). Theo quy định tại Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, thì cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 6 tháng đến 3 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, hoặc phạm tội nghiêm trọng mà có nơi làm việc ổn định hoặc nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội. Theo quy định này, thì đối tượng để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ bao gồm cả người phạm tội ít nghiêm trọng và người phạm tội nghiêm trọng, theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự thì tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 7 năm tù chứ không trên 5 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình như Bộ luật hình sự năm 1985 quy định. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định thêm điều kiện để người phạm tội được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là họ phải có nơi làm việc ổn định, hoặc có nơi thường trú rõ ràng mà Bộ luật hình sự năm 1985 chưa quy định. Có đủ các điều kiện trên, nhưng nếu xét thấy không thể để họ chung sống trong cộng đồng xã hội thì Tòa án cũng không được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội. Về thời hạn tối đa đối với hình phạt cải tạo không giam giữ cũng được Bộ luật hình sự năm 1999 nâng lên 03 năm.

Thứ hai, nếu người phạm tội đang bị tạm giữ hoặc đang bị tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt

cải tạo không giam giữ, cứ một ngày bị tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1985 chỉ quy định thời gian tạm giam mới được khấu trừ và thực tiễn xét xử các Tòa án trên cả nước thì việc khấu trừ cả thời gian tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 đã khắc phục được những thiếu sót này nhằm bảo đảm tính chính xác và nhất quán trong quy định cũng như trong áp dụng Bộ luật hình sự vào thực tế.

Thứ ba, Ngoài ra bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định thêm: Gia đình, thân nhân người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người phạm tội, làm cho hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng và thi hành có hiệu quả hơn. Bộ luật hình sự 1999 còn quy định những trường hợp được miễn khấu trừ thu nhập. Đây là quy định mở và người có quyền quyết định miễn là Hội đồng xét xử, do đó Bộ luật hình sự quy định lý do miễn phải ghi rõ trong bản án để xem xét việc miễn của Hội đồng xét xử có căn cứ đúng pháp luật hay không.

BLHS năm 2015 quy định bổ sung về hình phạt cải tạo không giam giữ tại mục 4 điều 36 như sau: Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với một số trường hợp như phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.

1.3. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định trong bộ luật hình sự một số nước trên thế giới

Trên thế giới, theo Bộ luật hình sự một số nước đã quy định hình phạt cải tạo không giam giữ và áp dụng khá phổ biến. Tuy nhiên, trong phạm vi

một luận văn, tôi chủ yếu xem xét và so sánh các vấn đề liên quan đến hình phạt cải tạo không giam giữ ở một số Bộ luật hình sự của các nước như Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Theo quy định tại Điều 49, Điều 50 và Điều 53 Bộ luật hình sự Liên bang Nga có quy định ba loại hình phạt mà nội dung của chúng có những điểm gần giống với hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống hình phạt Việt Nam. Đó là các hình phạt: Làm việc bắt buộc; Lao động cải tạo và Hạn chế tự do. Cụ thể:

Nội dung của hình phạt: Làm việc bắt buộc thể hiện ở việc người bị kết án phải làm công việc thêm ngoài giờ do cơ quan, chính quyền địa phương xác định so với công việc chính của mình và không được trả công. Xét theo nội dung thì hình phạt này giống hình phạtcải tạo không giam giữ của Việt Nam ở chỗ buộc người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ nhất định nhưng không tước tự do của họ, không cách ly họ ra khỏi cuộc sống xã hội. Tuy nhiên, nếu như cải tạo không giam giữ theo Bộ luật hình sự Việt Nam không có nội dung công việc cụ thể và không có đòi hỏi cụ thể thì nghĩa vụ của người bị kết án theo luật hình sự Liên bang Nga là cụ thể bao gồm một công việc không được trả tiền và làm ngoài giờ lao động chính của người bị kết án, việc làm ngoài giờ này có thời hạn từ 60 giờ đến 240 giờ và không được quá 04 giờ trong một ngày. Việc làm ngoài giờ với tính cách là hình phạt không được áp dụng đối với người tàn tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con dưới tám tuổi, và cũng không được áp dụng với đàn ông trên 60 tuổi, phụ nữ trên 55 tuổi, và đối với những người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Quy định trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga, gần với hình phạt cải tạo không giam giữ của Việt Nam hơn cả là hình phạt lao động cải tạo. Trong quá trình lao động ở thời hạn bị kết án, họ bị khấu trừ nhất định một phần tiền

công (từ 5% đến 20% thu nhập) để sung vào quỹ Nhà nước. Thời hạn lao động cải tạo là từ hai tháng đến hai năm.

Một hình phạt tương tự như cải tạo không giam giữ của Việt Nam là hình phạt hạn chế tự do ở Liên bang Nga. Theo đó, tính chất cách ly tội phạm chỉ dừng lại ở việc Nhà nước lập ra một tổ chức riêng biệt để người bị kết án được đưa đến sinh sống và bị giám sát nghiêm ngặt. Hình phạt này chỉ áp dụng với những đối tượng sau:

Những người bị kết án về các tội vô ý và thời hạn là từ một năm đến năm năm. Hình phạt hạn chế tự do không áp dụng với người tàn tật, đối với đàn ông trên 60 tuổi, đối với phụ nữ trên 55 tuổi, đối với phụ nữ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 8 tuổi. Điểm khác biệt rõ nét ở đây so với hình phạt cải tạo không giam giữ của nước ta là luật hình sự Liên bang Nga quy định phải có một cơ sở xác định để bắt người phạm tội phải có mặt ở đó. Cơ sở này có thể là cơ sở được thành lập chỉ nhằm mục đích giữ những người bị giám sát này, nhưng đó không phải là trại giam và do đó hình phạt này không phải là tù có thời hạn vì tù có thời hạn là cách ly người bị kết án khỏi xã hội.

1.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp

Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp năm 1994, sau đó được sửa đổi, bổ sung nhiều lần năm 2001, 2010. Theo đó, trong Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp quy định một số hình phạt gần với hình phạt tiền của Việt Nam, nhưng xét về nội dung cũng mang ít nhiều các đặc điểm của hình phạt cải tạo không giam giữ. Cụ thể là hình phạt lao động công ích. Đây là hình phạt bắt buộc lao động không hưởng lương, hình phạt này áp dụng thay hình phạt tước tự do khi người bị kết án đồng ý (thời gian lao động công ích có thể từ 40 đến 240 giờ và được thực hiện trong thời hạn không quá 18 tháng).

Như vậy, ở góc độ nào đó cũng có điểm tương đồng với hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam, khi không buộc người bị kết án

phải cách ly khỏi xã hội, có nghĩa cũng không bị tước tự do như Bộ luật hình sự của Việt Nam, còn những điều kiện cụ thể thì tương đối khác.

1.3.3. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được Quốc hội thông qua ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980 và được sửa đổi vào năm 1997, có hiệu lực từ ngày 01/10/1997. Sau đó, Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được sửa đổi, bổ sung vào năm 1999, 2001, 2002 và gần đây nhất là 2005, 2007 và 2009 tại Hội nghị lần thứ 14 của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa X, XI. Quy định cụ thể như sau :

Điều 42 quy định: "Thời hạn cải tạo lao động từ 1 tháng đến 6 tháng"

Điều 43 quy định: Cơ quan Công an gần nhất thi hành án cải tạo lao động đối với người bị kết án. Trong thời gian chấp hành, hàng tháng người bị kết án cải tạo lao động có thể được về thăm gia đình từ 1 đến 2 ngày, có thể tính mức thù lao cho người bị kết án cải tạo lao động khi có tham gia lao động.

Điều 44 quy định: "Thời hạn cải tạo lao động tính từ ngày bắt đầu thi hành bản án. Thời gian tạm giam trước khi tuyên án được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo lao động, một ngày tạm giam bằng một ngày cải tạo lao động"

Như vậy, mặc dù có tên gọi khác, nhưng nội dung cơ bản là giống, tuy nhiên thời hạn cải tạo lao động ngắn hơn là từ 1 tháng đến 6 tháng. Ngoài ra, Cơ quan Công an gần nhất thi hành án cải tạo lao động đối với người bị kết án. Trong thời gian chấp hành, hàng tháng người bị kết án cải tạo lao động có thể được về thăm gia đình từ 1 đến 2 ngày, có thể tính mức thù lao cho người bị kết án cải tạo lao động khi có tham gia lao động.

Tiểu kết Chương 1

Tóm lại, mặc dù tên gọi khác nhau, nhưng Bộ luật hình sự Việt Nam và

một số nước đã nêu đã đều quy định cải tạo không giam giữ là hình phạt chính, quy định thời gian và việc khấu trừ thu nhập…Tuy nhiên, Bộ luật hình sự Liên bang Nga có điểm tiến bộ khi quy định hình phạt này không được áp dụng đối với người tàn tật thuộc nhóm một, phụ nữ có thai, phụ nữ có con nhỏ dưới ba tuổi, quân nhân đang thực hiện nghĩa vụ quân sự Nhà nước, quân nhân đang thực hiện nghĩa vụ quân sự theo thời hạn quân ngũ mà kéo dàiniênhạn binh sĩ và hạ sỹ quan nếu những người này vào thời điểm tòa tuyên ánchưa hết thời hạn triệu tập phục vụ quân ngũ theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở những so sánh cụ thể về hình phạt cải tạo không giam giữ của Việt Nam và các hình phạt tương tự tại một số quốc gia, chúng ta nhận thấy xu hướng phát triển của chính sách hình sự của các nước cũng như nước ta đó là xây dựng hệ thống hình phạt mà tính chất cơ bản là giáo dục, cải tạo người phạm tội. Vì vậy, việc hoàn thiện và xây dựng các hình phạt không tước tự do trong đó có hình phạt cải tạo không giam giữ ở nước ta hiện nay là yêu cầu quan trọng như tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị đã đề ra.

CHƯƠNG 2
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ VÀ THỰCTIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

2.1.1. Hình phạt cải tạo không giam giữ trong quy định tại phần chung Bộ luật hình sự

Đây là hình phạt chính được quy định muộn hơn so với các hình phạt khác. Cho đến khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời, hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại một điều luật riêng rẽ (Điều 24) với tính cách là hình phạt chính trong hệ thống hình phạt nước ta.*[29]*

Đến nay, Bộ luật hình sự năm 2015, hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định trong phần chung Bộ luật hình sự năm 2015 tại các điều: 32, 36, 55, 63 và điều 100. Hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại Điều 36 với tính cách là một hình phạt chính, cụ thể:

Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Hình phạt chính bao gồm:

Cảnh cáo;

Phạt tiền;

Cải tạo không giam giữ;

Trục xuất;

Tù có thời hạn;

Tù chung thân;

Tử hình.

Với tính cách là hình phạt chính, hình phạt cải tạo không giam giữ được tuyên một cách độc lập, với mỗi tội phạm Tòa án chỉ tuyên một hình phạt chính và có thể kèm theo một hoặc nhiều hình phạt bổ sung.

Trích Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 quy định về phạm vi và điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ:

Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội….

Như vậy, để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, người bị kết án phải đáp ứng được các điều kiện sau:

Thứ nhất, tội phạm mà người đó thực hiện là thuộc vào tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Mức cao nhất của khung hình phạt đối với những tội ấy là đến ba năm tù hoặc đến bảy năm tù.

Như vậy, về mặt câu chữ nội dung, mặc dù hình phạt cải tạo không giam giữ theo Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành được áp dụng với người phạm tội ít nghiêm trọng và nghiệm trọng, nhưng về mặt thực tế áp dụng pháp luật theo Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng với người phạm tội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là bảy năm tù.

Thứ hai, Hiện nay chưa có khái niệm rõ ràng về vấn đề như thế nào là không cần thiết và cũng chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện này nhưng về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật trong đời sống hàng ngày thì có thể hiểu rằng việc không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội có nghĩa là việc Tòa án (mà cụ thể ở đây là Hội đồng xét xử) không cách ly người phạm tội khỏi xã hội cũng có căn cứ để giáo dục, cải tạo cảm hóa người phạm tội trở thành người có ích, và đồng thời cũng không ảnh hưởng nhiều đến việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm đó trên địa bàn

nhất định.

Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định điều kiện người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên trong thực tiễn áp dụng hình phạt này các Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vẫn xem xét các tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội, điều này có nghĩa là muốn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì người đó phải có ít nhất từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên.

Bộ luật Hình sự 2015 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015 đã sửa đổi, bổ sung 349 Điều trong BLHS năm 1999, quy định 22 tình tiết giảm nhẹ, nhiều hơn so với Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 ba tình tiết giảm nhẹ. Xuất phát từ thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố những năm vừa qua, có thể nhận thấy rằng Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm hai tình tiết mới, chưa được hướng dẫn ở các văn bản pháp luật khác là "*phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội*" và "*phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra*". Còn tình tiết được bổ sung là "*người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng*" đã được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999. Thậm chí, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thể tự mình xem xét, cân nhắc coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và ghi rõ lý do trong bản án (nhằm tránh sự tùy tiện, tiêu cực trong hoạt động xét xử).

Thứ tư, đối với những loại tội mà bị cáo thực hiện có khung hình phạt quy định hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 47 quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các tội mà trong điều luật không quy định hình phạt này.

Trong Bộ luật hình sự nước ta, hình phạt cải tạo không giam giữ được

quy định ở nhiều điều luật với tính cách là hình phạt tùy nghi cùng với các hình phạt khác như phạt tiền, tù có thời hạn.

Ngoài ra, Điều 70 BLHS 2015 quy định về thời gian thử thách của người bị kết án, theo đó, người bị kết án đương nhiên là được xóa án tích nếu người đó không phạm tội mới trong thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong bản ánhoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án người đó cải tạo tốt và không phạm tội mới.

Tương tự, Điều 100 BLHS 2015 quy định về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo đó, hình phạt cải tạo không giam giữ, bên cạnh các hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền, tù có thời hạn, là một trong các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tại điều này cũng quy định khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng quy định của Phần chung Bộ luật hình sự năm 2015 về hình phạt cải tạo không giam giữ còn thiếu định nghĩa pháp lý của loại hình phạt này. Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ quy định các điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chứ không hề có sự xác định nội dung hình phạt cải tạo không giam giữ là gì. Và việc xác định nội dung của hình phạt thông qua quy định của pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng, nó làm cho mọi người thấy được các dấu hiệu bắt buộc của hình phạt, cụ thể:

- *Đối với chủ thể áp dụng pháp luật (Tòa án):* Các nội dung pháp lý của hình phạt cho phép các Thẩm phán khi áp dụng hiểu được khả năng răn đe, giáo dục, cảm hóa của hình phạt, hiệu lực và hiệu quả của nó.

- *Đối với người bị kết án*: Họ có thể thấy được họ phải chịu những hạn

chế gì, phải làm những gì khi chấp hành hình phạt. Đây chính là tác động của hình phạt ngay từ đầu vào ý thức của người bị kết án.

- *Đối với cơ quan thi hành án*: Việc xác định những nội dung của hình phạt chắc chắn là có ý nghĩa quyết định đến việc tổ chức thi hành các biện pháp thực tiễn sao cho phù hợp với những đòi hỏi của hình phạt. Đó cũng chính là tiêu chí để kiểm tra, đánh giá mức độ cải tạo của người bị kết án.

- *Đối với mọi công dân*: Việc pháp luật xác định rõ trong một điều luật các nội dung chính thức của hình phạt sẽ giúp họ hiểu được nội dung trừng trị của hình phạt góp phần nâng cao ý thức pháp luật của công dân và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung rất lớn.

2.1.2. Hình phạt cải tạo không giam giữ trong quy định tại phần các tội phạm của Bộ luật hình sự

Bộ luật hình sự năm 2015 giành nhiều điều luật quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ được liệt kê chi tiết tại các bảng sau:

Trong Bộ luật hình sự năm 2015 có 189/316 điều luật với 201 cấu thành tội phạm có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ

Bảng 2.1. Tổng hợp các quy định về cải tạo không giam giữ tại Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự

Chương	*Nhóm tội cụ thể*	*Tổng số tội phạm quy định trong chương*	*Tổng số tội có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ*
XIII	Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	14	0
XIV	Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người	34	16
XV	Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân	11	11

Chương	*Nhóm tội cụ thể*	*Tổng số tội phạm quy định trong chương*	*Tổng số tội có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ*
XVI	Các tội xâm phạm sở hữu	13	9
XVII	Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình	7	6
XVIII	Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	50	32
XIX	Các tội phạm về môi trường	12	9
XX	Các tội phạm về ma túy	13	0
XXI	Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng	70	48
XXII	Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	22	15
XXIII	Các tội phạm về chức vụ	14	5
XXIV	Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	25	17
XXV	Các tội xâm phạm nghĩa vụ trách nhiệm của quân nhân	26	21
XXVI	Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh	5	0

(Nguồn: Tổng hợp từ Bộ luật hình sự năm 2015)

2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa bàn thành phố Đà Nẵng

Các số liệu học viên sử dụng để nghiên cứu được lấy từ báo cáo tổng kết ngành Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến 30 tháng 9 năm 2017, một số bản án hình sự của Tòa án nhân dân các cấp tại Đà Nẵng đánh

giá tình hình xét xử và quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ tại thành phố Đà Nẵng.

2.2.1. Một số đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa bàn thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng, thành phố biển xinh đẹp nằm ở trung tâm của miền trung, được thiên nhiên ưu đãi với đầy đủ những danh thắng nổi tiếng bao quanh trong 6 quận , 2 huyện và 56 xã, phường. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của cả nước, tình hình chính trị, kinh tế, trị an, xã hội của Đà Nẵng cũng có nhiều chuyển biến tích cực: Cơ sở hạ tầng được nâng cấp, thu hút nhiều nhà đầu tư dự án kinh tế lớn, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên cùng với việc phát triển thành phố thì đây cũng là cái nôi phát triển của các thành phần tội phạm. Theo thống kê thì hàng năm ngành Tòa án thành phố Đà Nẵng xét xử khoảng trên 2.500 vụ án hình sự sơ thẩm, số vụ phạm pháp hình sự chủ yếu xảy ra nhiều ở địa bàn trung tâm thành phố: Cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, đánh bạc, tổ chức đánh bạc, các tội phạm về ma túy…

Song hành cùng sự phát triển của thành phố và là điểm đến của nhiều loại khách du lịch trong và ngoài nước thì tình hình tội phạm trong vài năm gần đây trên địa bàn diễn biến rất phức tạp và ngày càng gia tăng, đặc biệt là các loại tội phạm liên quan đến việc xâm phạm đến quyền sở hữu như lừa đảo, trộm cắp, và các loại tội phạm liên quan đến an ninh trật tự an toàn xã hội như cố ý gây thương tích, đánh bạc tổ chức đánh bạc, tội phạm "kiểu xã hội đen", cho vay nặng lãi;v.v…

2.2.2. Tình hình áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại thành phố Đà Nẵng

** Tại Tòa án cấp sơ thẩm (cấp huyện và thành phố)*

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm

2013 đến hết năm 2017 ngành Tòa án thành phố Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm 9.654 vụ án và 12.533 bị cáo. Trung bình mỗi năm xét xử trên 1.930 vụ án và 2.506 bị cáo. Như vậy, cứ có 10 vụ án xét xử sơ thẩm thì có gần 13 bị cáo bị xét xử.

Bảng 2.2. Tỷ lệ số vụ án và bị cáo bị Tòa án nhân dân các cấp tại Đà Nẵng xử sơ thẩm từ 2013 đến năm 2017

Năm	**Số vụ án và bị cáo đã xét xử**	
	Số vụ	**Bị cáo**
2013	1486	1987
2014	1864	2167
2015	1794	2098
2016	2078	2987
2017	2432	3294
Tổng	**9654**	**12533**

(Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động xét xử sơ thẩm từng năm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cho thấy tổng số vụ án và số bị cáo đã bị xét xử có tăng, có giảm.

Nếu năm 2013 ngành Tòa án nhân dân Đà Nẵng xét xử 1.486 vụ án,1.987 bị cáo thì đến năm 2014 số vụ án xét xử là 1964 vụ với 1.267 bị cáo, và năm 2017 đã xét xử 2.432 vụ án với 3.294 bị cáo.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, tính từ năm 2013 đến hết năm 2017 có *1078* lượt bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, đạt tỷ lệ trung bình mỗi năm gần 8,6% lượt bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trên tổng số bị cáo bị xét xử sơ thẩm.

Năm 2017 số lượng bị cáo bị Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn thành

phố Đà Nẵng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhiều nhất, có tổng số 3.294 bị cáo bị xét xử sơ thẩm, trong đó có 307 lượt bị cáo bị Tòa án áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, đạt tỷ lệ 9,3%.

Số liệu thống kê thực trạng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.3. Tỷ lệ bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trên tổng số bị cáo bị xét xử sơ thẩm từ 2013 đến 2017

Năm	*Tổng số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm (1)*	*Số bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ (2)*	*Tỷ lệ % (2)/(1)*
2013	1987	157	7.9%
2014	2167	185	8.5%
2015	2098	191	9.1%
2016	2987	238	8.0%
2017	3294	307	9.3%
Tổng	*9654*	*1078*	*11.2%*

(Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, thực trạng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ từ năm 2013 đến năm 2017 đối với từng nhóm tội như sau.

Bảng 2.4. Số bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo từng nhóm tội phạm từ năm 2013 đến năm 2017

Chương (C) Năm	*C. XIII*	*C. XIV*	*C. XV*	*C. XVI*	*C. XVII*	*C. XVIII*	*C. XIX*	*C. XX*	*C. XXI*	*C.XXII*	*C.XXIII*	*C.XXIV*	*C. XXV*	*C.XXVI*	*Tổng*
2013	0	4	0	36	0	0	12	0	56	2	1	0	0	0	45
2014	0	4	0	56	0	1	14	0	68	5	3	0	0	0	49

Chương (C) Năm	*C. XIII*	*C. XIV*	*C. XV*	*C. XVI*	*C. XVII*	*C. XVIII*	*C. XIX*	*C. XX*	*C. XXI*	*C.XXII*	*C.XXIII*	*C.XXIV*	*C. XXV*	*C.XXVI*	*Tổng*
2015	0	6	0	51	0	4	15	0	132	2	2	0	0	0	56
2016	0	8	0	81	0	3	2	0	164	4	2	0	0	0	98
2017	0	9	0	96	0	9	2	0	212	6	1	0	0	0	75
Tổng	*0*	*31*	*0*	*320*	*0*	*17*	*45*	*0*	*632*	*19*	*9*	*0*	*0*	*0*	*1078*

(Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Nếu căn cứ vào tổng số lượt bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo từng nhóm tội phạm bị xét xử sơ thẩm từ năm 2013 đến năm 2017, học viên nhận thấy nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng chiếm ưu thế với 632 bị cáo, chiếm 58,6% tổng số 1078 bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, sau đó là các nhóm: các tội xâm phạm sở hữu với 320 bị cáo chiếm 29,7% tổng số 1078 bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; các tội phạm về môi trường với 45 bị cáo chiếm 4,2% tổng số 1058 bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ…

***** *Tình hình áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại cấp phúc thẩm*

Tính từ năm 2013 đến nay, hàng năm số vụ án mà Tòa án 7 quận, huyện trong thành phố có kháng cáo (kháng nghị) chiếm khoảng 15 - 20%. Từ năm 2013 đến năm 2017 theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện được xử các vụ án có khung hình phạt đến 07 năm tù, nên một năm Tòa án thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm khoảng từ 120 - 140 vụ. Từ năm 2016, 2017 toàn bộ các Tòa án quận, huyện trong thành phố và thành phố trực thuộc tỉnh đều được tăng thẩm quyền xét xử theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét xử các bị cáo bị truy tố theo khung hình phạt đến 15 năm tù (trừ một số tội theo quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, nên một trung bình một năm Tòa án thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm từ 220 - 270 vụ án hình sự, trung bình trên 300 bị cáo có kháng cáo năm.

Tuy nhiên, số lượng bị cáo được Tòa án thành phố áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng rất ít, có năm chỉ có từ 3 - 4 bị cáo, năm nhiều từ 11 đến trên 14 bị cáo. Về nguyên nhân Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hạn chế áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ có nhiều nguyên nhân (sẽ được trình bày rõ ở phần sau).

Bảng 2.5. Số bị cáo được Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

Năm	*Số bị cáo có kháng cáo (1)*	*Số bị cáo được hưởng án treo (2)*	*Số bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ (3)*	*Tỷ lệ (2)/(1)*	*Tỷ lệ (3)/(1)*
2013	314	44	3	14%	0,9%
2014	396	26	11	6,5%	2,7%
2015	336	23	3	6,8%	0,8%
2016	334	64	7	19,1%	2%
2017	502	65	13	12,9%	2,5%
Tổng	3058	361	51	11,8%	1,66%

(Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Tóm lại, kết quả nghiên cứu số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho thấy, mặc dù những năm gần đây ngành Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã chú trọng hơn đến việc áp dụng hình phạt không phải là hình phạt tù trong những trường hợp được phép cân nhắc, lựa chọn áp dụng. Tuy nhiên, thường thì các tòa án vẫn chọn áp dụng án treo hơn là áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Một số tồn tại, hạn chế của việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và các nguyên nhân của những hạn chế đó

***** *Một số tồn tại hạn chế của việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ*

Từ thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian 5 năm (2013-2017), học viên nhận thấy có một số tồn tại, hạn chế của việc áp dụng như sau:

Thứ nhất, hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng chiếm tỷ lệ thấp. Như đã phân tích ở trên, số liệu thống kê của ngành Tòa án thành phố Đà Nẵng đã thể hiện rõ việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong 5 năm vừa qua còn rất thấp. Do hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng trên thực tiễn ít, và cũng gần giống với chế định án treo nên có quan điểm cho rằng nên bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ ra khỏi hệ thống hình phạt. Theo quan điểm của tôi, việc giữ lại hình phạt này vẫn là điều cần thiết, vì nếu áp dụng chính xác hình phạt này theo quy định của pháp luật thì vẫn đạt hiệu quả trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm đối với những người phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng…thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, và hơn nữa phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế như hiện nay.

Ví dụ: Khoảng 23h ngày 23/9/2015 Nguyễn Văn Bình. Trú tại xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, Đà Nẵngđược Lê Công Sơn, trú tại xã Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng rủ đến trộm cắp tài sản của Công ty MTV Thủy Long Phát, đến nơi, Bình đứng ngoài canh gác, còn Sơn và đồng bọn vào trong kho lấy cuộn dây cáp điện có trị giá 7.650.000đ, sau khi phạm tội các bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú và bồi thường trị giá tài sản cho công ty, đồng thời tỏ ra hối hận, thành khẩn khai báo. Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Đà Nẵng đã áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 điều 46. Xử phạt Nguyễn Văn Bình 09 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt Tòa án đã tuyên với Bình là chính xác, có căn cứ.

Vụ án: Trương Đại và Lê Phạm Tùng - Cướp giật tài sản

Khoảng 20h ngày 07/1/2016, Trương Đại và Lê Phạm Tùng ngồi sau xe

môtô do Trương Đình Thăng điều khiển, khi nhìn thấy anh Nguyễn Văn Tuấn trên tay đang cầm chiếc điện thoại di động đang nhắn tin, Tùng quay lại nói nhỏ với Đại, Đại nhảy xuống khỏi xe và chạy lại giật chiếc điện thoại của anh Tuấn sau đó cả hai bỏ chạy đem theo chiếc điện thoại cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường trị giá chiếc điện thoại cho người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. khi phạm tội Lê Phạm Tùng đang ở độ tuổi vị thành niên. Bản án hình sự sơ thẩm số 16 ngày 02/7/2016 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 73; Điều 31 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Phạm Tùng 16 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 tháng 10 ngày đã tạm giam, còn phải chấp hành 6 tháng. Bản án đã tuyên đối với Lê Phạm Tùng là có căn cứ pháp luật.

Thứ hai, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ còn sai sót. Không buộc người bị kết án phải bị khấu trừ thu nhập, không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, hoặc khấu trừ thu nhập nhưng không có khả năng thi hành.

Khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định rõ ràng việc thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, khi xét thấy người bị kết án không có thu nhập ổn định thì Tòa án vẫn có thể miễn việc khấu trừ thu nhập và nhận định rõ trong bản án. Tuy nhiên, qua xem xét các bản án tuyên hình phạt cải tạo không giam giữ tại các Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì đa số các bản án đều ghi một câu là: "*Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên*" (sẽ được nói rõ ở phần hạn chế sau), một số ít thì không đả động gì đến việc khấu trừ thu nhập, cá biệt có trường hợp tuyên khấu trừ bằng một số tiền cụ thể.

Vụ án: Khoảng 23h15’ ngày 03/11/2012, tại gia đình Lê Văn Huấn ở Huyền Trân Công Chúa – Hòa Hải – Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng, công an quận Ngũ Hành Sơn bắt quả tang Lại Hữu Tiến, Lê Văn Châu, Lê Văn Thanh,Lê Văn Nam, Nguyễn Bá Ninh, Lê Văn Sang, Đặng Công Yên đang đánh bạc dưới hình thức đánh *"Liêng"*, thu trên chiếu bạc 3.380.000đ. Bản án số 20/2014/HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Thanh, Nam, Ninh 09 tháng cải tạo không giam giữ; Phạt tiền mỗi bị cáo 5.000.000đ sung quỹ nhà nước. miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo vì các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Thứ ba, Hội đồng xét xử đã không xem xét đầy đủ mức độ, tính chất nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội, dẫn đến việc khi quyết định hình phạt, đáng lẽ bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, nhưng lại áp dụng hình phạt khác.

***** *Những nguyên nhân chủ yếu của các tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thời gian qua*

Thứ nhất, Pháp luật là khuôn mẫu pháp lý. Tình trạng pháp luật và mức độ phát triển, hoàn thiện của nó ảnh hưởng trực tiếp đến thực tiễn áp dụng pháp luật. Việc hoàn thiện quy định của luật thực định sẽ giúp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và ngược lại nếu không hoàn thiện mà cứ để cho luật thực định ngày càng lạc hậu không phát triển, có nhiều khiếm khuyết sẽ là những trở ngại, gây khó khăn cho hoạt động này và thường trở thành nguyên nhân của những vướng mắc, tồn tại, hạn chế, trong thực tiễn công tác của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Nguyên nhân chủ yếu khiến hình phạt này được ít được áp dụng trong thực tiễn xét xử xuất phát từ chính quy định mang tính chung chung của Bộ luật hình sự. Quy định của Bộ luật hình sự hiện hành không rõ ràng; cũng

không có quy định mang tính bắt buộc về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, mà điều luật nào cũng chỉ quy định "… *thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ*…" Chính việc quy định chế tài tùy nghi đã khiến Hội đồng xét xử không có thước đo chính xác, căn cứ rõ ràng để áp dụng hình phạt này

Ngoài ra, Bộ luật hình sự năm 2015 chưa quy định định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ; điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chưa được quy định chặt chẽ và hợp lý; cần bổ sung quy định của Bộ luật hình sự nhằm bảo đảm tính thực thi và hiệu quả áp dụng hình phạt này trong thực tiễn.

Những vướng mắt trong thực tiễn xét xử ở các địa phương nói chung và ở thành phố Đà Nẵng nói riêng đã được Tòa án nhân dân Tối cao tổng kết, rút kinh nghiệm, hướng dẫn giải thích cụ thể bằng văn bản, qua đó cải thiện đáng kể chất lượng xét xử các vụ án.

Tuy nhiên, việc triển khai vẫn còn chậm không đáp ứng được kịp thời đòi hỏi của công tác xét xử trong tình hình mới. Việc thiếu những văn bản hướng dẫn, giải thích luật không đầy đủ kịp thời sẽ không thể tháo gỡ được những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng, dẫn đến tình trạng tùy tiện, không thống nhất, không đồng bộ trong áp dụng, và có thể dẫn đến tình trạng áp dụng sai lệch với bản chất pháp lý của chúng.

Ngoài ra, sự chỉ đạo kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới chưa được liên tục thường xuyên và kịp thời. Công tác quản lý cán bộ, quản lý nghiệp vụ, giáo dục nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm công vụ ở một số Tòa án chưa tốt, không kịp thời kiểm tra, uốn nắn những sai phạm trong nghiệp vụ hoặc những biểu hiện không vô tư khách quan trong công tác của Thẩm phán và cán bộ Tòa án. Chính do những hạn chế trong công tác chỉ

đạo, kiểm tra, quản lý cán bộ, quản lý nghiệp vụ nên các sai sót, tiêu cực trong trong hoạt động xét xử không được phát hiện, xử lý kịp thời, ảnh hưởng tới chất lượng xét xử và uy tín của ngành Tòa án

Mặt khác điều luật còn quy định trong những trường hợp đặc biệt, sau khi đã kiểm tra hồ sơ, chứng cứ nếu xác định rõ người bị kết án không có thu nhập ổn định thì Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, và phải ghi rõ lý do trong bản án. Trong Luật và ngay cả Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao trong các văn bản hướng dẫn thì không có điều luật hay văn bản hướng dẫn nào quy định cụ thể như thế nào là trường hợp đặc biệt, việc này vô hình chung đã dẫn đến việc áp dụng tùy tiện đối với việc miễn khấu trừ thu nhập. Một số bản áp dụng việc khấu trừ thu nhập sau khi kiểm tra hồ sơ một số vụ án thì trong hồ sơ không có tài liệu gì chứng minh bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, thậm chí trong biên bản phiên tòa cũng không thấy Hội đồng xét xử hỏi về vấn đề này. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sau đó vẫn quyết định cho miễn. Tôi cho rằng nếu bị cáo không có thu nhập ổn định thường xuyên thì lấy thu nhập bình quân ở từng địa phương để làm căn cứ làm tính khấu trừ (như hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là hợp lý).

Bên cạnh đó, còn nhiều vấn đề vướng mắc liên quan đến việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ mà ngay cả Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng không có hướng dẫn cụ thể,ví dụ như việc tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người phạm nhiều tội là người dưới 18 tuổi. Khi quyết định hình phạt thì Tòa án áp dụng Điều 100 Bộ luật hình sự xác định thời hạn cải tạo không giam giữ nhưng khi tổng hợp các hình phạt cải tạo không giam giữ lại việc Tòa có áp dụng điều này một lần nữa không thì chưa được quy định rõ ràng trong luật.

Thứ ba, những nguyên nhân từ người áp dụng quy định của pháp luật hình sự. Người phạm tội có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng không được Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, trong trường hợp này có thể là do tâm lý xét xử; do nhận thức của chủ thể áp dụng, thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; hoặc do thiếu năng lực, kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- *Về tâm lý xét xử:* Bản thân hình phạt cải tạo không giam giữ trong thực tiễn xét xử ít được hội đồng xét xử áp dụng. Thay vào đó, hội đồng xét xử mà chủ thể ở đây là Thẩm phán khi xét xử thường chọn giải pháp an toàn là chọn chế định án treo để áp dụng đối với những trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng.

- Ngoài ra, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì khoảng 10% số bị cáo có kháng cáo phúc thẩm được Hội đồng xét xử phúc thẩm cho hưởng án treo, trong khi đó số bị cáo được Hội đồng xét xử chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ rất hạn chế, vì: Hầu hết các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt tù có thời hạn, khi kháng cáo đều nêu lý do và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo, do đó khi xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét bị cáo đó có đủ điều kiện được hưởng án treo hay không, mà không xem xét bị cáo có đủ điều kiện hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hay không, mặc dù bị cáo đủ điều kiện để được hưởng cải tạo không giam giữ.

Trong xét xử sơ thẩm án hình sự đều có sự tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân. Tuy nhiên, về sự hiểu biết và việc áp dụng pháp luật của họ cũng chưa được cao như mong muốn. Một phần vì hội thẩm nhân dân cũng có người xuất thân từ những người hoạt động trong ngành tư pháp cũng có một

số người không hoạt động trong ngành tư pháp, nên điều đó cũng ảnh hưởng đến chất lượng xét xử và áp dụng hình phạt. Có thể nói, do trình độ nhận thức về pháp luật của một bộ phận cán bộ xét xử còn có những hạn chế nhất định, nên nhiều khi việc giải quyết một số vụ án hình sự cụ thể tỏ ra còn lúng túng, chưa quyết đoán, việc đánh giá chứng cứ, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong nhiều trường hợp còn chưa đúng; sự nhận thức về ý nghĩa, phạm vi, điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ còn nhầm lẫn, hạn chế.

- Thực tiễn xét xử những năm vừa qua cho thấy còn một bộ phận Thẩm phán có thái độ bàng quan, tắc trách trong xét xử, suy thoái về phẩm chất, đạo đức, thiếu ý thức rèn luyện trong công tác, vi phạm những điều Thẩm phán không được làm, không hoàn thành nhiệm vụ. Đánh giá về đội ngũ cán bộ của các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực tư pháp, trong đó có đội ngũ Thẩm phán và trước những nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, Bộ Chính trị đã nhận định rằng: “Trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một bộ phận cán bộ sa sút phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp"

Thứ tư, việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn nhiều hạn chế. Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, Tòa án có trách nhiệm giao người bị kết án cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức có trách nhiệm quản lý, giám sát giáo dục, nhưng giao bằng hình thức nào và cách thức giao như thế nào thì vẫn là vấn đề chưa có hướng dẫn cụ thể. Đồng thời các cơ quan, tổ chức, cá nhân, sau khi nhận được việc bàn giao giám sát…thường gặp khó khăn về phương thức quản lý, chưa có một quy định chặt chẽ ràng buộc về vấn đề ai là chủ thể của việc giám sát những người cải tạo tại địa phương, không hiếm những trường hợp tại thời điểm Tòa giao hồ

sơ thì người bị kết án đã không có mặt ở địa phương. Họ đi đâu, làm gì, ở đâu địa phương cũng không rõ và Tòa án cũng không biết, những trường hợp này việc giao và nhận giám sát, giáo dục người bị kết án thường rất hình thức. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chưa thấy được trách nhiệm của mình trong việc thực thi pháp luật. Qua kiểm tra thực tế công tác thi hành án hình sự trên địa bàn thành phố thì hầu hết trong báo cáo giám sát của các đơn vị mà đoàn công tác kiểm tra giám sát ghi nhận được đó chính là sự lỏng lẻo trong việc quản lý người chấp hành án tại địa phương của chính quyền cấp cơ sở. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể chưa chặt chẽ, chưa huy động được sự tham gia tích cực của các đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân để xác lập trật tự kỷ cương trong hoạt động thực thi pháp luật nói chung và lĩnh vực thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng. Trách nhiệm của tổ chức, cơ quan chưa được quy định và phân công rõ ràng, thường xảy ra trường hợp bỏ mặc cho người bị kết án hoặc giao trực tiếp người bị kết án cải tạo không giam giữ cho gia đình, thậm chí nhiều nơi còn có tình trạng né tránh không muốn nhận trách nhiệm trong công tác được giao giám sát người thi hành án tại cơ sở, làm cho người bị kết án cảm thấy họ bị xã hội xa lánh, mặc cảm với bản thân và gia đình và hệ quả tất yếu của việc này dẫn đến cho người bị kết án dễ trượt dài trên con đường tội lỗi. Công tác kiểm tra, giám sát chưa được quan tâm thực hiện một cách đầy đủ. Việc này đã vô tình dẫn đến tình trạng buông lỏng quản lý trong việc thực hiện giám sát thi hành án tại cấp cơ sở. Thực tiễn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ ở cấp cơ sở cho không có sự quan tâm của chính quyền địa phương đến người bị kết án. Sau khi người bị kết án trở về địa phương, hàng tháng hàng quý đến trụ sở Ủy ban để trình diện, thậm chí có trình diện hay không cũng không được quan tâm về bản kiểm điểm mà người bị kết án tự lập thì được xem xét qua loa. Trong trường hợp người bị kết án vắng mặt khỏi nơi cư trú dài ngày

thì người trực tiếp giám sát, giáo dục báo cáo lại, còn thông thường người bị kết án được tự do làm mọi việc mà không phải xin phép. Có trường hợp người bị kết án bỏ đi làm ăn xa một thời gian rất dài nhưng chính quyền địa phương nơi người đó có hộ khẩu thường trú vẫn không hề hay biết, và nhiều trường hợp người bị kết án mặc dù họ đã chấp hành rất tốt quy định tại địa phương sinh sống không vi phạm pháp luật của Nhà nước trong thời gian họ đang chấp hành bản án nhưng chính quyền địa phương mà chủ yếu ở đây là ủy ban nhân dân phường xã nơi người đang thi hành án sinh sống cũng không quan tâm để đề nghị Tòa án giảm thời hạn chấp hành hình phạt cho họ, nhiều trường hợp chấp hành mặc dù đã chấp hành xong bản án từ lâu thế nhưng chính quyền địa phương vẫn không nắm được.

Tiểu kết Chương 2

Tóm lại, quy định của pháp luật về hình phạt cải tạo không giam giữ đã có song trên thực tế các quy định ấy không được áp dụng một cách triệt để. Từ việc phân tích các nguyên nhân dẫn đến việc hình phạt cải tạo không giam giữ ít được áp dụng trong thực tế, hoặc áp dụng chưa chính xác hình phạt này như đã nêu trên, tôi cho rằng cần phải có các giải pháp sau đây để nâng cao tính thực tiễn và giá trị của hình phạt cải tạo không giam giữ, nhằm đưa hình phạt cải tạo không giam giữ gần với đời sống pháp lý hơn, như vậy mới có thể nâng cao được ý nghĩa của chính sách nhân đạo trong phápluật hình sự Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn nước ta đang hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

Thứ nhất, cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ ngành Tòa án nắm vững về căn cứ pháp lý và những điều kiện của việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thứ hai, cần khuyến khích Thẩm phán áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội khi có đủ những điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự. Có như vậy, các quy định về hình phạt cải tạo không giam

giữ mới thực sự đi vào cuộc sống và thể hiện đầy đủ ý nghĩa của nó là một trong những biện pháp mang đậm chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với người phạm tội.

CHƯƠNG 3
CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ

Hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, trong đó đơn cử là Bộ luật hình sự nói riêng luôn là nhiệm vụ tất yếu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nhất là trong định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, việc cần phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện Bộ luật hình sự của nước ta chính là đòi hỏi cấp bách được đặt ra hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản năm 2011 đã đề ra.

3.1.1. Về phương diện thực tiễn

Về phương diện thực tiễn, sự cần thiết của việc phải hoàn thiện tất cả các điều luật quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam đối với trường hợp áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự vẫn còn một số trường hợp áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không đúng pháp luật và không đầy đủ những điều kiện. Cụ thể, việc đánh giá mức độ nguy hiểm, tính chất nguy hiểm của những hành vi liên quan đến người phạm tội còn mơ hồ, chưa đầy đủ và chính xác, hoặc những tình tiết đó không đủ điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng Tòa án vẫn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc ngược lại đủ điều kiện được hưởng nhưng

lại Tòa án lại không áp dụng..

Thứ hai, có nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan dẫn đến tình trạng vận dụng không đúng các quy định của pháp luật về hình phạt cải tạo không giam giữ, cụ thể là:

- Do chính các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ còn thiếu, chưa đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ, việc quy định điều kiện áp dụng chưa rõ ràng, nghĩa vụ của người bị kết án còn chung chung;

- Do thiếu các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật (nhất là các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) nên dẫn tới việc hiểu và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ ở các địa phương, các Thẩm phán là không thống nhất;

- Do tâm lý xét xử của một số Thẩm phán, vì việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định không mang tính bắt buộc nên khi xét thấy một người có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, và xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội thì dường như Thẩm phán (Hội đồng xét xử) thường nghĩ đến việc áp dụng chế định án treo nhiều hơn là nghĩ đến việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Chính thói quen đó cũng như sự thiếu nhận thức về vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ đã vô tình làm cho việc dễ bị nhầm lẫn khi áp dụng án treo vàg cải tạo không giam giữ trong thực tiễn xét xử;

- Do năng lực, trình độ chuyên môn của một số Thẩm phán còn hạn chế trong việc nhận thức, đánh giá, vận dụng các quy định của Bộ luật hình sự về cải tạo không giam giữ.

Vì vậy, xét về phương diện thực tiễn thì yêu cầu của việc hoàn thiện quy định Bộ luật hình sự Việt Nam về các trường hợp áp dụng có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là điều vô cùng cần thiết và có ý nghĩa nhận

thức, khoa học quan trọng.

3.1.2. Về phương diện lập pháp

Việc hoàn thiện các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự góp phần giúp cho các nhà làm luật nhận ra được những bất cập, phi lý của hình phạt này, để từ đó loại trừ những quy định đã lỗi thời, lạc hậu, thiếu tính chính xác về mặt khoa học để từ đó họ sửa đổi và bổ sung những quy định mới cho phù hợp với tình hình thực tiễn, bởi lẽ:

Một là, trong Bộ luật hình sự năm 2015 và những bộ luật hình sự trước đó đều chưa đưa ra được một cách chính xác định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ; điều kiện áp dụng hình phạt này chưa được chặt chẽ và hợp lý.

Hai là, các nhà làm luật và áp dụng luật có nguồn nhận thức chưa đúng khi áp dụng và hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ba là, việc xây dựng pháp luật giữa hình phạt cải tạo không giam giữ và chế định án treo ở một chừng mực nhất định còn chưa có sự phân biệt rõ ràng, cụ thể và tách biệt, nên dễ nhầm lẫn khi áp dụng.

3.1.3. Về phương diện lý luận

Việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận:

Thứ nhất, việc hoàn thiện các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ góp phần giúp cho những nhà lập pháp, những người tiến hành tố tụng, những người có thẩm quyền áp dụng pháp luật về hình phạt cải tạo không giam giữ, các cán bộ nghiên cứu khoa học-giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành tư pháp hình sự có nhận thức đúng đắn và thống nhất về hình phạt cải tạo không giam giữ, về những điều kiện áp dụng của từng trường hợp tương ứng để phục vụ công tác nghiên cứu,

giảng dạy và học tập.

Thứ hai, việc này còn giúp cho những người có thẩm quyền trong cơ quan Tòa án và chủ thể ở đây là Thẩm phán, người thay mặt nhà nước áp dụng pháp luật đối với những người có hành vi phạm tội nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn và chính xác những nội dung của hình phạt cải tạo không giam giữ để qua đó họ đưa ra các quyết định việc có áp dụng hay không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội là có căn cứ và đúng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, tránh tình trạng oan sai, qua đó bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp không chỉ của chính xã hội, của công dân mà còn cả của cá nhân các bị cáo

Thứ ba, hoàn thiện quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ dưới góc độ này sẽ góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận luật hình sự Việt Nam, cũng như là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích bổ sung vào khoa học luật hình sự nước ta về hình phạt cải tạo không giam giữ.

3.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của bộ luật hình sự năm 2015 về hình phạt cải tạo không giam giữ

Từ việc nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 và những quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ của các bộ luật hình sự trước đó, học viên xin đưa ra một số nhận xét và kiến nghị về việc quy định và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thứ nhất, Bộ luật hình sự năm 2015 hiện hành và Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 của Quốc hội đều chưa đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thứ hai, những điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đã được Bộ luật hình sự năm 2015 ghi nhận khá đầy đủ và chi tiết, tuy nhiên nhất

thiết phải có điều kiện đó là người phạm tội phải có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, và cần phải được ghi nhận rõ ràng hơn về điều kiện: Nếu xét thấy hành vi đó không nhất thiết phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội thì khi nhận định trong phần quyết định Tòa án phải nhận định một cách rõ ràng qua đó giúp giảm thiểu tình trạng áp dụng hình phạt này một cách tùy tiện mang tính chủ quan như thực tiễn hiện nay ở một số Tòa án quận hiện trên địa bàn thành phố. Về phần nghĩa vụ người bị kết án, thì việc bị khấu trừ thu nhập hàng tháng đó là phần quy định bắt buộc, do đó để có căn cứ tính số tiền mà người bị kết án bị khấu trừ hàng tháng thì phải biết rõ được nguồn thu nhập chính của người bị kết án một tháng là bao nhiêu, đối với những người có thu nhập ổn định thì vấn đề đó không có gì phải bàn cãi nhưng những trường hợp người bị kết án không có thu nhập ổn định hoặc họ không tự chứng minh được thu nhập của mình thì việc xác định thu nhập của họ cũng rất khó khăn. Vì lý do đó nên hầu hết các Tòa án trên địa bàn thành phố đều áp dụng cho người bị kết án miễn khấu trừ thu nhập với lý do: Họ không có thu nhập ổn định và không có việc làm ổn định, mà lý do này không biết rằng đó có phải là trường hợp đặc biệt hay không. Để giảm thiểu tình trạng tùy tiện trong việc áp dụng miễn khấu trừ thu nhập cần thì trong luật cần phải quy định rõ rằng nếu không có thu nhập ổn định thường xuyên thì căn cứ vào mức thu nhập trung bình hoặc mức lương cơ sở của địa phương sinh sống tại thời điểm xét xử để làm căn cứ tính khấu trừ thu nhập, và cần quy định rõ thời hạn khấu trừ là bao lâu (trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ).

Thứ ba, Bộ luật hình sự cần phải có chế tài để đảm bảo việc xử lý những đối tượng bị kết án trong trường hợp những người này không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như nghĩa vụ khai báo thu nhập, khấu trừ thu nhập; v.v…

Ngoài ra, những quy định về quyền của người bị tòa án kết án tại Điều 1 Nghị định 60/NĐ-CP nêu trên cần được ghi nhận cụ thể rõ ràng trong Bộ luật

hình sự để khẳng định lại chính sách hình sự của nhà nước ta mang tính nhân đạo và nhân văn: Khi người bị kết án đã chấp hành được một phần ba thời hạn cải tạo không giam giữ và có nhiều tiến bộ trong quá trình cải tạo tại địa phương như lập công trong công tác phòng chống tội phạm hoặc người đang thi hành án bị phát hiện mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể được Tòa án xét giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại các điều 58, 59, và 76 Bộ luật này

Về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi (Điều 100 Bộ luật hình sự): Khi áp dụng hình phạt đối với những người dưới 18 tuổi phạm tội, mục đích *giáo dục* luôn là mục đích được đặt lên hàng đầu trong việc áp dụng. Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất so với các biện pháp cưỡng chế khác, mà việc áp dụng các hình phạt này đối với người bị kết án là người dưới 18 tuổi sẽ đưa đến hậu quả pháp lý là người đó bị coi là có *án tích*.

Đối với người phạm tội là người dưới 18 tuổi, thì chính sách hình sự của Nhà nước thể hiện rõ sự nhân đạo, tính nhân văn trong việc áp dụng quy định của pháp luật đối với họ. Đó là việc không phải tất cả các hình phạt nào trong hệ thống hình phạt là có thể áp dụng đối với người dưới 18 tuổi. Bộ luật hình sự đã quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không được áp dụng hình phạt tử hình và hình phạt tù chung thân (các điều 101). Do đó, đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án chỉ được áp dụng các hình phạt như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù có thời hạn. Đặc biệt, đối với người dưới 18 tuổi là người nước ngoài phạm tội, thì họ còn có thể bị áp dụng hình phạt trục xuất trên những cơ sở chung. Tuy nhiên, nghiên cứu nội dung Điều 100 Bộ luật hình sự, tôi nhận thấy: Nhìn từ góc độ bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi phạm tội thì về nguyên tắc cần mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt này đối với họ, tránh việc phải cách ly họ khỏi gia

đình xã hội. Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, tượng tự như hình phạt cảnh cáo, *Hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Đ100 BLHS 2015 được áp dụng đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý….* Ngoài ra, một trong những điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là người bị kết án phải "đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng" và tính nghiêm khắc của hình phạt này được thể hiện rõ nhất ở yêu cầu người bị kết án phải chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức nơi mình làm việc hoặc cư trú, và người đó bị khấu trừ thu nhập. Mặc dù Bộ luật hình sự quy định khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội "không khấu trừ thu nhập" thì nhìn từ góc độ nghĩa vụ chấp hành án, nói chung cơ bản không khác gì so với yêu cầu của biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Tương tự, trong thời gian tới, các nhà làm luật nước ta cần nghiên cứu sự cần thiết của việc có nên giữ lại hình phạt này hay bỏ đi vì trong Bộ luật hình sự đã có biện pháp tư pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn là đủ (về bản chất khác, nhưng về hình thức là giống), đồng thời chỉ nên quy định người chưa đủ 18 tuổi"có nơi thường trú rõ ràng là được hoặc đang học tập, rèn rèn luyện trong cơ tuổi sở giáo dục, đào tạo hay dạy nghề" là đủ, chứ không cần quy định "đang có nơi làm việc ổn định" vì không khả thi, khi phần lớn trong thực tế, người chưa đủ 18 tuổi đều đang phụ thuộc gia đình.

Đặc biệt, hiện nay, có ý kiến cho rằng vì hình phạt cải tạo không giam giữ ít được áp dụng trong thực tế và hình phạt này gần với chế định án treo, nên có thể bỏ hình phạt này trong hệ thống hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự của nước ta, nhưng hình phạt này vẫn được quy định trong Bộ luật hình sự với tư cách là hình phạt chính. Ngược lại, cũng có ý kiến của các nhà luật học cho

rằng cần hủy bỏ chế định án treo, giữ lại hình phạt cải tạo không giam giữ và hoàn thiện, phát triển nó trong áp dụng và thi hành trong thực tiễn.

Với bản chất chỉ hạn chế tự do chứ không tước tự do của người bị kết án, các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ và biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù đều xác định cơ quan có thẩm quyền quản lý, giám sát, giáo dục người bị kết án là nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú. Về điều kiện áp dụng, hai trường hợp này cũng được quy định tương đối tương đồng. Về phạm vi áp dụng, hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng cho các tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, trong khi đó án treo lại được áp dụng cho những người bị Tòa án phạt tù không quá ba năm, không kể đã phạm tội gì. Ngay cả trường hợp người bị xét xử trong cùng một lần nhiều tội mà hình phạt không vượt quá ba năm thì cũng thuộc diện được xem xét cho hưởng án treo. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc án treo dễ bị lạm dụng trong thực tiễn xét xử, và hiện nay trên các diễn đàn đang có rất nhiều ý kiến về việc Tòa án cho người bị kết án hưởng án treo. Hiện nay, Tòa án nhân dân Tối cao cũng tăng cường kiểm tra việc Tòa án các cấp quá lạm dụng việc cho người bị kết án được hưởng án treo.

Thực tế cho thấy có những người bị kết án tù vài tháng nhưng phải thi hành án trong trại giam, mất tự do thì có người bị kết án tù ba năm được hưởng án treo lại được lao động trong môi trường tự do, đây là sự bất bình đẳng giữa những người phạm tội. Án treo mặc dù được áp dụng khá phổ biến, và có lịch sử áp dụng khá dài, nhưng việc tiếp tục duy trì nó trong thực tiễn sẽ dẫn tới sự bất bình đẳng giữa những người bị phạt tù được hưởng án treo và những người bị phạt cải tạo không giam giữ. Việc tồn tại án treo trên thực tiễn xét xử còn là một trong những khả năng dễ dẫn tới tiêu cực, khi người tiến hành tố tụng không nghiêm minh. Chính vì vậy, tôi cho rằng cần bỏ án treo, giữ lại hình phạt cải tạo không giam giữ và hoàn thiện, phát triển thành công

cụ pháp lý hữu ích hơn.

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ

Để hình phạt cải tạo không giam giữ thật sự đi vào cuộc sống, cũng như đạt được những hiệu quả cao trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay thì việc cần thiết phải hoàn thiện nâng cao hiệu quả áp dụng của hình phạt cải tạo không giam giữ là tất yếu. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự thực định về hình phạt cải tạo không giam giữ nói chung, kết hợp với việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng những quy định này trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng, học viên xin đưa ra một số các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa tính hiệu quả trong việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ như sau.

3.3.1. Hoàn thiện quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong bộ luật Hình sự Việt Nam

Để góp phần hoàn thiện quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong Bộ luật hình sự năm 2015, xin đề xuất một số nội dung sau:

Thứ nhất: Cần đưa ra định nghĩa (khái niệm) về hình phạt cải tạo không giam giữ có thể hiểu hình phạt này không buộc người bị kết án phải cách li khỏi xã hội, mà được giao cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giám sát, giáo dục nhằm phát huy vai trò của quần chúng nhân dân tham gia vào việc cải tạo, giáo dục người phạm tội.

Thứ hai: Bổ sung quy định về bắt buộc tham gia lao động cải tạo tại địa phương sinh sống, nhằm nâng cao một cách hiệu quả và đảm bảo tính răn đe của hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp nếu người phạm tội có hành động cố tình trốn tránh chấp hành, cũng như chống đối việc thi hành hình phạt lao động cải tạo, Tòa án có thể thay đổi hình phạt này bằng hình

phạt tù theo hình thức tăng nặng, cứ một ngày tù bằng một ngày lao động cải tạo. Đó cũng là cách vừa là để trừng trị răn đe, vừa là để phòng ngừa những đối tượng có suy nghĩ chống phá không tôn trọng pháp luật.

Thứ ba: Bổ sung thêm vào điều 100 Bộ luật hình sự quy định một cách rõ ràng thời gian khấu trừ thu nhập và giao trực tiếp cho Tòa án quyết định trong trường hợp này. Tuy nhiên, để tăng cường tính cưỡng chế và sự nghiêm minh của luật pháp, trong trường hợp có ý định chây ỳ, chống đối, cố tình không nộp, xem thường pháp luật thì phải phạt thật nặng để răn đe những trường hợp khác ví dụ như cho phép tăng mức áp dụng lên từ năm đến mười lần so với mức ban đầu.

Thứ tư: Nghiên cứu mở rộng hơn khả năng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội cũng như đối với một số loại chủ thể. Đồng thời, với việc mở rộng này, trong tương lai cần nghiên cứu áp dụng cơ chế giám sát người phạm tội bằng các biện pháp ứng dụng khoa học công nghệ (ví dụ như: vòng điện tử - Bracerie electrolic) nhằm quản lý tốt hơn người đang chấp hành hình phạt này

3.3.2. Tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, ý thức trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán

Công tác cán bộ của bộ máy các cơ quan tư pháp hiện nay theo học viên là chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình phát triển hiện tại. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ và khả năng nhận thức nghiệp vụ còn chưa cao. Ngoài ra còn có một bộ phận tiêu cực, thiếu bản lĩnh chính trị, sa sút về nhân phẩm đạo đức, chưa có trách nhiệm đối với nghề nghiệp. Đây là một vấn đề nhức nhối và nghiêm trọng, nó làm ảnh hưởng trực tiếp đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước.

Để thực hiện yêu cầu trên, học viên cho rằng vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay là vừa cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà chủ thể ở

đây là đội ngũ Thẩm phán theo hướng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức chính trị và ý thức pháp luật đến từng cán bộ tư pháp trong toàn hệ thống tư pháp nói chung và bản thân người thẩm phán nói riêng. Ngoài vấn đề đó thì còn phải tăng cường về số lượng cán bộ hoạt động tư pháp (vấn đề số lượng hiện nay đã cơ bản được đáp ứng, chỉ có một số địa phương ở các thành phố phía nam còn thiếu cán bộ), có như vậy thì mới đáp ứng được những yêu cầu cần thiết trong thời điểm phát triển như hiện nay.

Trong những năm gần đây, nhờ sự quan tâm của nhà nước và đặc biệt là Tòa án nhân dân Tối cao. Đội ngũ Thẩm phán đã thường xuyên được nâng cao về mặt chất lượng tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được một cách đầy đủ trước những yêu cầu phát triển của xã hội. Trước tình hình đó, ngành Tòa án cần phải xây dựng được một đội ngũ Thẩm phán có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo bài bản, thường xuyên được mở các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn xét xử. Ngoài ra, việc đẩy mạnh công tác công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, để nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ của cán bộ Tòa án mà chủ yếu ở đây là bộ phận Thẩm phán nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế phải được Tòa án coi là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển.

Ý thức pháp luật là tổng quan những vấn đề về nhận thức, những hiểu biết của con người trong mọi mối quan hệ với pháp luật hiện hành qua đó thể hiện sự đánh giá về tính pháp lý với những hoạt động của các cơ quan tổ chức trong quá trình thực hiện pháp luật. Khác với những cá nhân khác trong xã hội, bộ phận Thẩm phán là bộ phận cần có ý thức về quy định của pháp luật và những nghiệp vụ riêng biệt cao hơn, mà ý thức về pháp luật đó cần theo kịp với những thành tựu mà thực tiễn và khoa học với các giá trị văn hóa trong pháp lý đạt được.

Cùng với việc luôn luôn phải bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và nhận thức pháp luật của Thẩm phán, cần thiết phải tăng cường vấn đề đạo đức để qua đó đề cao tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của của từng người Thẩm phán. Bởi vì, Thẩm phán là người đại diện cho nhà nước thực thi pháp luật thì nhiệm vụ của họ là phải bảo vệ pháp luật, bảo vệ lẽ phải và công bằng; xét xử theo lương tâm và công lý.

Như vậy, việc tu dưỡng bản thân, tăng cường năng lực, rèn luyện phẩm chất, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ý thức pháp luật và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ được nhà nước giao phó của đội ngũ Thẩm phán là một trong những mục tiêu vô cùng quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam nói chung và những quy định của hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng.

Ngoài ra, trong việc áp dụng cũng đòi hỏi cần nâng cao ý thức pháp luật của người áp dụng. Theo đó hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong các hình phạt chính trong hệ thống hình phạt nhưng nó không tước đi tự do của người bị kết án. Trong tình hình hiện nay thì việc xem xét áp dụng các hình phạt không tước tự do của người bị kết án nó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố cả về trong quy định của pháp luật và trong đặc điểm địa lý của địa phương. Đối với thành phố Đà Nẵng thì việc được mọi người biết đến là thành phố của du lịch, nơi hàng năm thu hút nhiều lượt khách trong và ngoài nước đó chính là môi trường để cho các loại tội phạm phát triển. Vì thế trong việc chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy đối với các đơn vị thực thi pháp luật trên địa bàn thì việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ phần nhiều rất bị hạn chế. Tuy nhiên, việc các cơ quan áp dụng pháp luật trên địa bàn vẫn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong công tác xét xử vẫn được xem như là một giải pháp hữu hiệu, nhằm tránh tình trạng tiêu cực hóa hình phạt mà vẫn đạt được mục đích cốt lõi của hình phạt. Để hiện thực hóa, chúng ta

cần phải làm tốt công tác nâng cao năng lực, trình độ nhận thức, ý thức pháp luật và ý thức trách nhiệm của từng chủ thể áp dụng mà cụ thể ở đây chính là đội ngũ Thẩm phán để từng bước đưa hình phạt cải tạo không giam giữ đi sâu vào thực tiễn và khẳng định được vị trí, vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống của những hình phạt chính.

3.3.3. Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật

Khả năng nhận thức pháp luật, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, việc hiểu biết pháp luật của đội ngũ Thẩm phán là những nhân tố vô cùng quan trọng để đảm bảo hoạt động áp dụng pháp luật một cách đúng đắn. Vì Thẩm phán là người nhân danh cho nhà nước dựa trên những quy định của pháp luật trên cơ sở những đánh giá về chứng cứ của bị cáo mà từ đó đưa ra những bản án đúng người, đúng tội theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở những vấn đề đó thì chưa thể được coi là điều kiện tốt để Thẩm phán có thể phát huy được hết năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của mình. Chỉ trên cơ sở phát triển hệ thống pháp luật mà trước hết là hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh, thì Thẩm phán mới có điều kiện phát huy được khả năng làm việc và trọng trách cao cả mà nhà nước đã giao cho họ. Khó có thể nói đến hiệu quả thực sự trong hoạt động áp dụng pháp luật khi mà pháp luật ở nước ta còn nhiều thiếu sót, chặt chẽ và cần phải học hỏi nhiều so với những nước có nền pháp luật phát triển trên thế giới.

Do đó, việc các cơ quan có thẩm quyền thường xuyên cập nhập và ban hành các văn bản nhằm hướng dẫn áp dụng và thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của Bộ luật hình sự năm 2015 trong thực tế xét xử là một trong những yếu tố có vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng vấn đề xác định và xử lý đúng người, đúng tội, đúng hành vi, đúng mức độ và đúng pháp luật tránh trường hợp tội phạm bị bỏ lọt và người phạm tội, tránh làm oan người

vô tội dẫn đến những hậu quả khó lường.

Để tăng tính nghiêm khắc, và tránh sự tùy tiện của việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cần có văn bản hướng dẫn với nội dung:

Một là, quy định rõ những trường hợp nào được coi là không cần thiết phải cách ly người bị kết án khỏi xã hội. Quy định về việc tính khấu trừ thu nhập của người bị kết án, nếu không có thu nhập ổn định thường xuyên thì lấy mức thu nhập trung bình của địa phương để tính thu nhập hàng tháng để tính khấu trừ.

Hai là, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong một vài trường hợp cụ thể nhằm hạn chế tình trạng hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng một cách hạn chế do những quy định về chế tài mang tính chất tuỳ nghi của Bộ luật hình sự nói chung và do đặc thù địa lý áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với từng địa phương nói riêng.

3.3.4. Giải pháp về sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và gia đình người được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giám sát, quản lý và giáo dục

Hình phạt cải tạo không giam giữ là một biện pháp pháp lý cần sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân, của các cơ quan, tổ chức và gia đình người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giám sát, giáo dục họ. Để đạt được kết quả cao trong công tác cải tạo, giám sát, giáo dục, cảm hóa người bị kết án như vậy thì trước tiên các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, giáo dục và cải tạo người bị kết án phải kiện toàn được tổ chức và hoạt động của mình, cụ thể:

- Cơ quan Công an cấp thành phố, huyện xã cần có kế hoạch kiện toàn, củng cố, bổ sung lực lượng, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của ngành trong việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp thành phố trong việc tổ chức thực hiện công tác theo dõi, quản lý, giáo dục người thi hành hình phạt

cải tạo không giam giữ; xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho công tác quản lý người bị kết án cải tạo không giam giữ; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố tăng cường công tác chỉ đạo, kiện toàn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã và đội ngũ cán bộ Công an cấp xã trong lĩnh vực công tác này.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan Công an có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân lập hồ sơ theo dõi người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của họ theo đúng quy định; kịp thời biểu dương khi người bị kết án có nhiều tiến bộ, tích cực tham gia các hoạt động xã hội hoặc lập công.

- Các cơ quan tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý những người đang phải thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi người bị kết án để đảm bảo việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và lợi ích của họ theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân cấp thành phố chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện, thị xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có phương án theo dõi, kiểm tra, giám sát và giáo dục một cách tận tình những người đang phải thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, qua đó giúp cho việc cải tạo và chấp hành hình phạt của họ được đảm bảo. Giảm bớt sự thiệt hại về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ.

3.3.5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân

Thực trạng hiện nay cho thấy sự am hiểu của một bộ phận người dân về pháp luật còn nhiều hạn chế, đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa nơi mà pháp luật đối với họ là một vấn đề còn quá mới mẻ. Chính vì vậy, một trong những nguyên nhân chủ yếu của sự hạn chế trong việc áp dụng những quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt cải tạo không giam giữ là do nhiều

người chưa hiểu biết một cách đầy đủ về pháp luật, nhiều người dân có quan niệm cho rằng cải tạo không giam giữ là hình phạt có mà như không. Từ những điều đó vô hình chung đã làm cho người Thẩm phán với vị trí là người thay mặt cho nhà nước khi ban hành những quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với những người có hành vi phạm tội thường lo ngại sự bàn tán dư luận cho rằng đối với hành vi mà người phạm tội gây ra thì hình phạt mà Thẩm phán quyết định cho cá nhân người phạm tội chỉ là cải tạo không giam giữ là quá nhẹ, ảnh hưởng tới uy tín của cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung và của Thẩm phán nói riêng. Vì vậy, cần phải tăng cường nâng cao hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối tất cả các tầng lớp trong xã hội từ nhân dân lao động cho đên cả cán bộ công chức để họ có thể hiểu rõ và chấp hành pháp luật một cách đúng đắn nhất.

Để hoàn thành tốt được việc này đòi hỏi Nhà nước và xã hội phải thường xuyên tăng cường vận động, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội thông qua nhiều hình thức và cách thức khác nhau, để cho mỗi người dân có thể hiểu biết được vai trò quan trọng của pháp luật đến đời sống cá nhân họ, một mặt phòng tránh những hành vi vi phạm quy định của pháp luật hay phạm tội, nhưng mặt khác cũng nâng cao vai trò, ý thức, trách nhiệm của mỗi người trước nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, công tác này có ý nghĩa rất quan trọng, bởi lẽ khi bất kỳ cá nhân nào có sự hiểu biết cần thiết về pháp luật thì sẽ làm tăng niềm tin của cá nhân đó đối với sự lãnh đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự công bằng, nhân đạo của pháp luật. Qua đó, tuyên truyền pháp luật chính là cơ sở định hướng chủ đạo cho các hành vi và quá trình hình thành nhân cách, ý thức tuân thủ và tôn trọng pháp luật của mỗi cá nhân từ đấy không để họ thực hiện các hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, tham gia bảo vệ lợi ích của bản thân, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, để làm tốt công tác này,

theo học viên thì cần được thực hiện qua các nội dung cơ bản sau:

Một là, trang bị một vốn kiến thức về pháp luật cơ bản và nhận thức một cách đúng đắn về những quy định nói chung pháp luật đại cương và pháp luật hình sự nói riêng; hướng dẫn các thói quen ứng xử, sống và làm việc một cách tích cực và chỉ tuân theo thượng tôn pháp luật. Việc trang bị những kiến thức về pháp luật có thể thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật để giúp mọi người dân trong xã hội có thể hiểu được những quy định của pháp luật liên quan đến đời sống hàng này của cá nhân họ như thế nào.

Hai là, triển khai mở các khóa học về pháp luật nhằm qua đó nâng cao sự hiểu biết, tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quy tắc trong cuộc sống xã hội nhằm giúp mọi người có nhận thức đúng đắn sự quan trọng của việc giữ gìn và bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức và công dân. Ngoài ra, cần tổ chức thường xuyên các cuộc thi tìm hiểu pháp luật để qua đó tuyên truyền, phổ biến rộng rãi pháp luật đến mọi cá nhân trong xã hội.

Ba là, thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP của Chính phủ "*Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*" đã thể hiện nội dung xã hội hóa công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đó là hoạt động nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của quần chúng nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm và giám sát, giáo dục, cảm hóa người phạm tội, qua đó huy động sức mạnh toàn dân, thể hiện nguyên tắc dân chủ trong luật hình sự Việt Nam. Ngoài ra, cần phải tăng cường thực hiện công tác khen thưởng, biểu dương kịp thời nhằm khuyến khích, và động viên các cá nhân tham gia vào phong trào toàn dân đấu tranh phòng và chống tội phạm. Nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tế đó , Đảng cũng đã ban hành nhiều nghị quyết đề cập đến nội dung này như Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị;v.v…

Đặc biệt cách đây hơn 10 năm, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm theo quyết định số 138/NQ-TTg ngày 31/7/1998 với mục tiêu của chương trình là tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc giữ vững kỷ cương pháp luật, trật tự an toàn xã hội, xây dựng một môi trường sống lành mạnh, sống và làm việc theo thượng tôn pháp luật; làm suy giảm một phần các loại tội phạm, đáp ứng hiệu quả trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Nội dung của chương trình là phát động toàn dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm; răn đe, cảm hóa, giáo dục những người có hành vi phạm tội tại cộng đồng dân cư, vận động người phạm tội ra tự thú. Tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật về phòng, chống tội phạm nhằm nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của mỗi cá nhân trong và ngoài nước. Ngoài ra, triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm sớm phòng ngừa tội phạm ở các khu dân cư, trong từng hộ gia đình, trong các cơ sở kinh doanh, sản xuất, các tổ chức xã hội, cơ quan Nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, cải tạo, cảm hóa người phạm tội để giúp họ sớm hòa nhập với cộng đồng.

Về mặt nhà nước, thực hiện chỉ số 37/2004/CT-TTg "Về việc tiếp tục thực hiện nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của chính phủ đến năm 2010" là việc có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác đấu tranh, phòng ngừa, cảm hóa có hiệu quả với các loại tội phạm, phát huy được sức mạnh tổng thể của toàn bộ hệ thống chính trị, trách nhiệm của bộ ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trong tình hình phát triển mới.

Tóm lại, để nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật trong toàn thể nhân dân đạt kết nhiều kết quả cao, chúng ta cần phải: Đặt ra mục tiêu đấu tranh, trấn áp không khoan nhượng đối với tất cả

những cá nhân có hành vi vi phạm các quy định pháp luật, vi phạm các quy tắc đi trái với đạo lý của xã hội đồng thời khích lệ, động viên mọi người trong xã hội luôn luôn phải biết đứng lên lên án những hành làm ảnh hưởng đến môi trường xã hội. Qua đó tiến hành các hoạt động mang tích cực và định hướng mục có mục tiêu đến việc hình thành nhu cầu, lợi ích đúng đắn của mỗi người.

Sự nghiệp bảo vệ an toàn trật tự xã hội, an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân tộc vì nó liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích thiết thực của mỗi cá nhân tron tập thể xã hội. Để thực hiện tốt vấn đề này thì ngoài các hoạt động đấu tranh kiên quyết với những hành vi phạm tội đã nêu, chúng ta cần tạo ra một cuộc kêu gọi vận động toàn thể người dân trong xã hội xây dựng một thế trận an ninh nhân dân vững chắc và kiên cố, tự mỗi người từ cán bộ cho đến quần chúng nhân dân đều phải có trách nhiệm bảo vệ trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia, dân tộc. Chính vì vậy cần đòi hỏi mỗi cá nhân phải có được sự hiểu biết và nhận thức một cách đúng đắn về pháp luật và ngược lại thông qua các phương tiện truyền thông thì nhà nước cần phải tuyên truyền, phổ biến một cách rộng rãi và đầy đủ đến mỗi người dân trong xã hội.

3.3.6. Giải pháp tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập pháp hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ

Trong quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế hiện nay, thì mối quan hệ hợp tác giữa đất nước ta với các nước trên thế giới và đặc biệt là những nước có nền tư pháp phát triển là điều vô cùng cần thiết. Cùng với việc nghiên cứu, tham khảo, học tập những kinh nghiệm của những nước đi tiên phong về lĩnh vực tư pháp như công tác đào tạo cán bộ tư pháp, công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm và công tác về kỹ thuật lập pháp khi xây dựng các bộ luật, hay các chế định và quy phạm của pháp luật thì vấn đề quan trọng hơn cả trước tiên là phải đảm bảo được độc lập chủ quyền và an ninh của quốc gia

dân tộc. Do đó, việc tăng cường sự hợp tác, trao đổi kinh nghiệm lập pháp với các quốc gia có nền lập pháp phát triển trên thế giới mà chủ yếu ở đây là kinh nghiệm lập pháp hình sự nói chung và các quy định của pháp luật cải tạo không giam giữ nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Tuy nhiên song hành cùng việc chọn lọc, nghiên cứu, học hỏi sự phát triển của các nước phát triển trên thế giới về hình phạt cải tạo không giam giữ thì chúng ta cũng phải có sự sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phù hợp với thực tiễn xét xử và có tính đến sự đồng bộ với các văn bản và các đạo luật khác liên quan trong hệ thống pháp luật nước ta. Ngoài ra, để có kinh nghiệm lập pháp về hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ chúng ta cần tiến hành một số công việc như:

Thứ nhất, Bộ Tư pháp cần chủ trì hoặc cùng với các cơ quan bảo vệ pháp luật khác như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an tiếp tục cho dịch và in Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự của các nước có kinh nghiệm lập pháp phát triển và các nước có quan hệ truyền thống với nước ta.

Thứ hai, trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, cần tăng cường cử các đoàn cán bộ bao gồm không chỉ các nhà khoa học luật hình sự (giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học), mà còn các cán bộ hoạt động thực tiễn (Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên) đi nghiên cứu, hoặc tập và trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự và lập pháp tố tụng hình sự nói chung, về hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng của các nước tiên tiến trên thế giới, cũng như tham khảo các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn các nước để qua đó tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện tại và trong tương lai.

KẾT LUẬN

Tóm lại, việc nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: "Hình phạt cải tạo không giam giữ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng" cho phép học viên mạnh dạn đưa ra một số kết luận mà theo học viên có thể mang tính chất tham khảo dưới đây:

1. Hình phạt cải tạo không giam giữ là một hình phạt chính không tước đi quyền tự do, phản ánh nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong pháp luật hình sự Việt Nam, thể hiện rõ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người phạm tội và những hành vi do cá nhân họ thực hiện, đồng thời nhằm khích lệ, động viên những người phạm tội luôn luôn có khát khao nhằm lập công bù đắp lại những tội lỗi mà họ đã gây ra trong xã hội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo, cảm hóa nhanh chóng, tái hòa nhập với cộng đồng và trở thành một bộ phận có ích cho toàn xã hội khi có những điều kiện nhất định.

2. Việc quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam những điều luật về hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện phương châm đúng đắn của đường lối xử lý về hình sự, đó là việc đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp cưỡng chế hình sự của Nhà nước với các biện pháp tác động khác của xã hội, với các hình phạt không tước đoạt đi sự tự do để cải tạo, giáo dục người phạm tội, thông qua đó hạn chế việc áp dụng các biện pháp mang tính trấn áp về mặt hình sự.

3. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn về mặt lý luận của hình phạt cải tạo không giam giữ và từ đó tổng kết thực tiễn tình hình áp dụng trên hình phạt này trên phạm vi cả nước nói chung và trong toàn hệ thống hình phạt nói riêng trong giai đoạn vừa qua không chỉ là hướng nghiên cứu quan trọng, mà đó còn chính là việc làm thiết thực của khoa học luật hình sự nước ta hiện tại, đồng thời việc nghiên cứu này còn đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình phát triển của đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Lê Cảm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự, tập I,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Lê Cảm (2000), *Hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam,* Dân chủ và pháp luật, (8), tr. 11-15.
3. Lê Cảm (2001), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự, tập III,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Lê Cảm (2001), *Một số vấn đề cơ bản về hình phạt*, Công an nhân dân, (4), tr. 28-34.
5. Lê Cảm (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung),* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Lê Cảm (Chủ biên) (2002), *Những vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới,* Thông tin Khoa học pháp lý, (8), (Số chuyên đề).
7. Lê Văn Cảm (2005), *Chương thứ bảy - Hình phạt và biện pháp tư pháp, Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Chính phủ (2000), *Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10 quy định về việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới,* Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Trần Văn Độ (1994), *Quan niệm mới về hình phạt Trong chuyên đề: Bộ luật hình sự: thực trạng và phương hướng đổi mới,* Viện Khoa học pháp lý, Hà Nội.
16. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (1999), *Mục đích của hình phạt*, Luật học, (1), tr. 26-31.
18. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Nguyễn Ngọc Hòa (2005),*Chính sách xử lý tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Luật học, (3), tr. 9-14.
20. Học viện Tư pháp (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
21. Trần Minh Hưởng (2007), *Tìm hiểu hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
22. Josef Thesing (2002), *Nhà nước pháp quyền*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Uông Chu Lưu (chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học luật hình sự năm 1999 (Phần chung), tập I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Dương Tuyết Miên (2000), *Bàn về mục đích của hình phạt*, Luật học, (3), tr. 27-30.
25. Đỗ Ngọc Quang, Trịnh Quốc Toản, Nguyễn Ngọc Hòa (1997), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
26. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 107
27. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (phần chung),*

Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

28. Quốc hội (1981), *Luật nghĩa vụ quân sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
30. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
31. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự,* Hà Nội.
33. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung),* Hà Nội.
34. Nguyễn Sơn (2002), *Các hình phạt chính trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
35. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2013 - 2018), *Thống kê xét xử án hình sự tại Đà Nẵng từ 2013 đến tháng 9 năm 2017*, Đà Nẵng.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2001), *Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 04/8 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung Bộ luật hình sự năm 1999,* Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 02/12 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ*, Hà Nội.
39. Trịnh Quốc Toản (2010) *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
40. Trịnh Quốc Toản (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
41. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
42. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập I,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội. 108
43. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

44. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện na*y, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
45. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển I - Những vấn đề chung),* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
46. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1982), *Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*, Hà Nội.
47. Viện Khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự (sách chuyên khảo),* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (2010), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

TIẾNG ANH

50. Cragg, Wesley (1992), The *Practice of Punishment: Towards a Theory of Restorative Justice*, New York, Routledge.
51. H.L.A. Hart (1968), *Punishment and Responsibility*, Oxford.
52. M. Bellmore, H.J.Greenberg and J.J.Jarvis (1968), *Generauzed Penaltyfunction concepts in Mathematical optization*, Georgia Institute o/ Technology, Atlanta, Georgia Received June 17.